



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

(Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 561023000003 do Ban quản lý Đầu tư Phát triển đảo Phú Quốc cấp ngày 14/11/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 18/04/2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: ...185.../ QĐ-SGDHCM .....do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM cấp ngày 16 tháng 05 năm 2014)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI**

**1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)**

Địa chỉ: Lầu 5 & 6 Tòa nhà AB Tower, Số 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện Thoại: (08) 3823 3299 – Fax: (08) 3823 3301 – Website: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

**2. Công ty Cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**

Địa chỉ: Số 10 Đường 30/04, Khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

Điện Thoại: (077) 3980111 – Fax: (077) 3846180 – Website: [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**BÀ HÀ NGUYỆT NHI – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Điện thoại: (08) 38688273 – Fax: (08) 38688373)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

(Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 561023000003 do Ban quản lý Đầu tư Phát triển đảo Phú Quốc cấp ngày 14/11/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 18/04/2014)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Tên cổ phiếu** : Cổ phiếu Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.  
**Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông.  
**Mã cổ phiếu** : SKG.  
**Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phiếu.  
**Tổng số lượng niêm yết** : 17.474.854 cổ phiếu.  
**Tổng giá trị niêm yết** : 174.748.540.000 (Một trăm bảy mươi bốn tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng) tính theo mệnh giá.

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (American Auditting).**

**Địa chỉ** : Tòa nhà VCCI, 171 Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điện thoại** : (08) 39321284 – **Fax:** (08) 39321286.

**Website** : [www.aa.com.vn](http://www.aa.com.vn)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC).**

**Địa chỉ** : Lầu 5 & 6 Toà nhà AB Tower, Số 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**Điện thoại** : (08) 3823 3299 – **Fax:** (08) 3823 3301.

**Website** : [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

**MỤC LỤC**

<b>PHẦN I: CÁC RỦI RO .....</b>	<b>6</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp .....	7
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu .....	9
5. Rủi ro khác .....	10
<b>PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>11</b>
1. Tổ chức niêm yết.....	11
2. Tổ chức tư vấn niêm yết .....	11
<b>PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>12</b>
<b>PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....</b>	<b>14</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	14
1.1 Giới thiệu về tổ chức niêm yết .....	14
1.2 Lịch sử hình thành .....	15
1.3 Quá trình phát triển .....	16
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	20
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	21
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông .....	24
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trực tiếp hay gián tiếp từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 06/01/2014.....	24
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại ngày 06/01/2014.....	24
4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 06/01/2014 .....	24
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết .....	25
5.1. Danh sách công ty mẹ của Công ty.....	25
5.2. Danh sách công ty con của Công ty.....	25
5.3. Công ty mà Công ty đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối .....	25
5.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đăng ký niêm yết .....	25
6. Hoạt động kinh doanh .....	26
6.1. Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên .....	26
6.2. Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá .....	31
6.3. Doanh thu và chi phí của các hoạt động chính của Công ty .....	40



6.4.	Nguyên vật liệu.....	45
6.5.	Tỷ trọng các loại chi phí so với doanh thu thuần.....	46
6.6.	Trình độ công nghệ.....	46
6.7.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới .....	47
6.8.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ .....	47
6.9.	Hoạt động Marketing .....	47
6.10.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền .....	49
6.11.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	50
7.	Báo cáo kết quả kinh doanh trong những năm gần nhất.....	51
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong vài năm gần nhất.....	51
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty .....	53
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	53
8.1.	Vị thế của Công ty trong ngành.....	53
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành .....	55
8.3.	So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành.....	58
8.4.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới .....	60
9.	Chính sách đối với người lao động .....	61
9.1.	Số lượng người lao động trong Công ty:.....	61
9.2.	Chính sách đối với người lao động:.....	61
10.	Chính sách cổ tức .....	63
11.	Tình hình hoạt động tài chính .....	63
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	63
11.2.	Tình hình công nợ hiện nay .....	64
11.3.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	66
12.	DANH SÁCH VÀ SƠ YẾU LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	68
12.1.	Danh sách và sơ yếu lý lịch HĐQT.....	68
12.2.	Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Kiểm Soát.....	84
12.3.	Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng .....	89
13.	Tài sản.....	90
13.1.	Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán tại 31/12/2013 .....	91
13.2.	Tình hình quản lý, sử dụng đất và tài sản có giá trị lớn tại thời điểm 31/12/2013... ..	92
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....	93
14.1.	Tầm nhìn chiến lược .....	93
14.2.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2013 .....	94
14.3.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty giai đoạn 2014 – 2015 dự kiến.....	94



15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	96
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết.....	96
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	96
<b>PHẦN V: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....</b>	<b>96</b>
1. Loại cổ phiếu:.....	96
2. Mệnh giá:.....	96
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 17.474.854 cổ phiếu bằng đúng tổng số lượng chứng khoán đã phát hành.....	96
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	96
5. Xếp hạng tín nhiệm.....	97
6. Phương pháp tính giá.....	97
7. Phương thức thực hiện quyền.....	98
8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	98
9. Các loại thuế có liên quan.....	99
<b>PHẦN VII: PHỤ LỤC.....</b>	<b>101</b>

## PHẦN I: CÁC RỦI RO

---

Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang hoạt động vận chuyển hành khách hàng hóa trên những tuyến đường thủy ven biển nội địa cố định sẽ chịu tác động của các rủi ro như sau:

### 1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro kinh tế là những biến đổi của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách kinh tế tác động vào hoạt động của doanh nghiệp.

Trong quá trình hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã được gia nhập WTO, các nhà đầu tư nước ngoài với khả năng tài chính dồi dào, công nghệ cao, kinh nghiệm hoạt động lâu năm sẽ thâm nhập dễ dàng hơn vào thị trường Việt Nam và cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước. Nền kinh tế Việt Nam sẽ nhạy cảm hơn bởi các yếu tố của kinh tế thế giới, nhất là sự biến động của giá dầu thô và giá vàng. Các cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính ở mức độ khu vực và thế giới khi xảy ra sẽ tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam. Các thách thức của hội nhập kinh tế sẽ là những yếu tố biến động khó lường, sẽ có tác động lớn đến tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam, có thể làm tăng mức độ rủi ro đối với hoạt động của các doanh nghiệp.

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt những tiến bộ vượt bậc, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong các năm từ 2002 – 2007 là 7,8%. Đặc biệt trong năm 2007, tăng trưởng GDP của Việt Nam lên tới 8,48%, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng một thập kỷ qua. Với thu nhập bình quân đầu người gia tăng, người dân đã nâng cao đời sống tinh thần, đặc biệt là nhu cầu vận chuyển cũng đã tăng lên đáng kể. Bên cạnh đó, Việt Nam ngày càng nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế. Năm 2007, là năm đánh dấu mốc son Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), điều này chứng tỏ nền kinh tế Việt Nam đã từng bước hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, cùng với những lợi ích từ việc hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức và khó khăn trong quá trình hội nhập, điển hình là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bùng phát từ Mỹ. Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 2008 lên đến 19,89%, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP 2008 đã có dấu hiệu suy giảm chỉ đạt mức 6,23% so với mức 8,48% năm 2007. Chỉ tiêu này cho năm 2009 là 5,32%, năm 2010 là 6,78%, năm 2011 là 5,89% và GDP năm 2012 tăng 5,03% so với năm 2011. Theo Tổng cục thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 ước tính tăng 5,42% so với năm 2012, trong đó quý I tăng 4,76%; quý II tăng 5,00%; quý III tăng 5,54%; quý IV tăng 6,04%. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi. Trong mức tăng 5,42% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,67%, xấp xỉ mức tăng năm trước, đóng góp 0,48 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,43%, thấp hơn mức tăng 5,75% của năm trước, đóng góp 2,09 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,56%, cao hơn mức

tăng 5,9% của năm 2012, đóng góp 2,85 điểm phần trăm. Về cơ cấu trong quy mô nền kinh tế cả năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,4%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,3% và khu vực dịch vụ chiếm 43,3% (Năm 2012 các tỷ trọng tương ứng là: 19,7%; 38,6% và 41,7%). Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2013 tăng 0,51% so với tháng trước và tăng 6,04% so với tháng 12/2012. Đây là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012.

Vận tải hành khách năm 2013 ước tính tăng 6,3% về lượt khách và tăng 5,4% về lượt khách/km so với năm 2012, trong đó vận tải hành khách đường bộ ước tính tăng 6,5% về lượt khách và tăng 4,4% về lượt khách/km so với năm trước; đường sông tăng 2% và tăng 4,1%; đường hàng không tăng 11,2% và tăng 11%; đường biển tăng 4,1% và tăng 3,6%; đường sắt giảm 0,6% và giảm 3,5%. Vận tải hàng hóa năm 2013 ước tính tăng 5,4% về tấn và giảm 0,4% về tấn/km so với năm trước, trong đó vận tải trong nước tăng 5,7% và tăng 5,2%; vận tải ngoài nước giảm 4,4% và giảm 4,3%.

Tại Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương ngày 23/12, dự thảo Nghị quyết về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 đã đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2014 là 5,8%; kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; tỷ lệ nhập siêu khoảng 6% kim ngạch xuất khẩu; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 7%. Cho thấy tình hình kinh tế có nhiều triển vọng hơn vài năm qua.

Để hạn chế bớt tác động của rủi ro kinh tế, năm 2013 Công ty chú trọng cải tiến hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng phục vụ đưa ra nhiều chương trình ưu đãi, khuyến mãi để tạo lợi thế cạnh tranh nhằm thu hút thêm khách hàng mới.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi các luật sau: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật giao thông đường thủy nội địa, Luật hàng hải, Luật thuế xuất nhập khẩu và các luật khác. Ngoài ra, Công ty còn chịu tác động của các chính sách và chiến lược của ngành.

Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa được hoàn chỉnh, việc vận dụng pháp luật vào thực tế còn nhiều khó khăn. Sự điều chỉnh của các văn bản luật thuộc các lĩnh vực nêu trên còn thiếu nhất quán, thiếu ổn định và có những quy định chồng chéo nhau, đôi khi các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu cập nhật gây khó khăn trong việc áp dụng. Tuy nhiên, Việt Nam đã gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) nên môi trường pháp lý dần hoàn thiện và tuân theo các quy định chung của quốc tế.

Đặc biệt, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn

chính hệ thống pháp luật tạo sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính để tạo môi trường kinh doanh tốt hơn, nên rủi ro pháp luật không có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty nhưng sẽ tác động đến công tác hoạch định các chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Hoạt động của Công ty còn phải chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Khi Công ty đã trở thành công ty đại chúng và niêm yết chính thức thì phải tuân theo các quy định của Luật Chứng khoán. Hiện nay các văn bản trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi là khó tránh khỏi, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội. Đồng thời, Công ty cũng có luật sư tư vấn để bảo vệ quyền lợi cho Công ty.

### **3. Rủi ro đặc thù**

Rủi ro đặc thù là những rủi ro tiềm ẩn đối với lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

#### **3.1. Rủi ro cạnh tranh**

Việc gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, AFTA, ... đã mang lại những tiềm năng to lớn cũng như đưa đến nhiều thách thức cho các Công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường ven biển và đường thủy nội địa. Công ty đã tận dụng cơ hội này mở rộng hoạt động kinh doanh. Bên cạnh mặt thuận lợi này, Công ty gặp phải sự cạnh tranh với các đối thủ kinh doanh. Hiện tại hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường ven biển và đường thủy nội địa bằng tàu cao tốc chỉ ở giai đoạn đầu phát triển, trong tương lai sẽ có nhiều công ty mới tham gia vào ngành vận chuyển này và sự cạnh tranh sẽ càng khó khăn hơn.

#### **3.2. Rủi ro lãi suất**

Mức lãi suất cho vay mà các Ngân hàng áp dụng trong thời gian vừa qua đã có sự biến động liên tục và khó có khả năng dự báo. Năm 2011, do áp lực tỷ lệ lạm phát tăng cao và các Ngân hàng thương mại gặp khó khăn về thanh khoản nên các ngân hàng đã tăng lãi suất huy động lên trên 15% và lãi suất cho vay tăng lên trên 20%/năm. Qua năm 2012 lãi suất cho vay tiếp tục giảm xuống còn khoảng 13% đến 14%. Đặc biệt năm 2013, NHNN đã giảm 2%/năm đối với các mức lãi suất điều hành, giảm 3%/năm đối với trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND dành cho các lĩnh vực ưu tiên, giảm 1%/năm trần lãi suất tiền gửi VND, cho phép các tổ chức tín dụng (TCTD) tự ấn định lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 6 tháng trở lên. Tính đến ngày 12/12/2013, nguồn vốn huy động tăng 15,61% so với cuối năm 2012, trong đó tiền gửi ngoại tệ tăng 13,7%, tiền gửi VND tăng 15,93%. Thanh khoản của hệ thống các TCTD tiếp tục cải thiện, đảm bảo khả năng thanh toán và chi trả của toàn hệ thống.



Trong năm 2013, mặt bằng lãi suất ổn định và tiếp tục giảm. Đến cuối năm 2013, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng dao động quanh mức 2% – 5%/năm tùy theo kỳ hạn, lãi suất huy động và cho vay VND trên thị trường giảm 2% – 5%/năm, tương đương với mức lãi suất trong các năm 2005 – 2006, từng bước chấm dứt tình trạng cạnh tranh qua lãi suất.

Hiện tại Công ty không có vay ngân hàng kể cả vay nợ ngắn hạn và vay nợ dài hạn từ ngân hàng nên Công ty không phải lo lắng về loại rủi ro này. Nhưng trong tương lai nếu Công ty mở rộng hoạt động đầu tư thêm tài sản mà đi vay ngân hàng thì khi đó Công ty sẽ chịu tác động của rủi ro này.

### **3.3. Rủi ro tai nạn**

Công ty dùng tàu cao tốc để vận chuyển hành khách và hàng hóa, khi tai nạn giao thông xảy ra thì Công ty chịu thiệt hại. Tai nạn có thể xảy ra do cả nguyên nhân chủ quan là lỗi của con người và nguyên nhân khách quan do thời tiết, thiên tai, giông bão ... Để hạn chế bớt rủi ro này Công ty mua bảo hiểm cho các phương tiện vận tải (loại bảo hiểm thân tàu: mua 100% giá trị sổ sách con tàu tại lúc mua bảo hiểm), bảo hiểm trách nhiệm dân sự (bảo hiểm cho hành khách, bảo hiểm cho thuyền viên và bảo hiểm cho bên thứ ba). Hơn nữa, các tàu cao tốc của Công ty phần lớn là tàu đóng mới (ngoại trừ tàu cao tốc Superdong I mua lại, tàu cao tốc Superdong II mua mới) nên các trang thiết bị hoạt động của tàu cao tốc là rất an toàn cũng như hệ thống áo phao cứu sinh luôn được kiểm tra định kỳ và bảo đảm vẫn còn trong thời hạn sử dụng, công tác cứu hộ luôn được quan tâm và huấn luyện định kỳ. Công ty luôn đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn.

### **3.4. Rủi ro biến động chi phí đầu vào**

Dầu DO dùng để vận hành các tàu cao tốc là nhân tố chính tác động tới hoạt động của Công ty. Giá dầu DO lại biến động tùy thuộc vào giá dầu thô trên thế giới. Trong khi đó sự biến động của giá dầu thô trên thế giới là rất khó dự đoán. Giá dầu cung cấp cho Công ty được tính tại thời điểm mua bán có trừ mức hoa hồng. Vì vậy sự biến động giá dầu DO sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Trong những năm gần đây giá dầu có xu hướng tăng và sự biến động của giá dầu là khó lường trước được nên rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty. Nhưng ảnh hưởng này cũng được Công ty nhận biết và Công ty cũng có những hoạt động cần thiết để hạn chế rủi ro này. Khi giá dầu tăng thì Công ty sẽ lập hồ sơ thông báo cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh tăng giá vé.

## **4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu**

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, việc biến động giá cổ phiếu không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty, tình hình thị trường chứng khoán nói chung ... Để giảm thiểu một cách tối đa đối với rủi ro có thể xảy ra đối với biến động của giá cổ phiếu, ngay từ giai đoạn chuẩn



bị hồ sơ đăng ký niêm yết, Công ty đã ban hành Quy chế công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của các cá nhân liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### **5. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, giá cổ phiếu của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn ... là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại lớn về vật chất mà không thể ngăn chặn được, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các lịch trình vận chuyển hoặc gây thiệt hại phương tiện vận chuyển (một phần hay toàn bộ). Để hạn chế tối đa các thiệt hại, Công ty luôn tham gia đóng bảo hiểm cho các phương tiện vận chuyển, bảo hiểm cho thủy thủ đoàn, bảo hiểm cho hành khách và bên thứ ba.



## **PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức niêm yết**

- Bà Hà Nguyệt Nhi Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
- Ông Puan Kwong Siing Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Bà Lưu Hải Anh Chức vụ: Kế toán trưởng.
- Ông Trương Hữu Lộc Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn niêm yết**

- Đại diện: Ông Trịnh Thanh Cần Chức vụ: Giám Đốc điều hành.

Theo Giấy ủy quyền số 08-2011/GUQ-HSC-KSNB ngày 14/07/2011 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang cung cấp.

### PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM

- ◆ “Công ty”: Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 do Ban quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 18/04/2014.
- ◆ “Bản cáo bạch”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- ◆ “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- ◆ “Cổ phiếu”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty.
- ◆ “Cổ đông”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- ◆ “Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
- ◆ “Đại hội đồng cổ đông”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
- ◆ “Hội đồng quản trị”: Hội đồng quản trị của Công ty.
- ◆ “Ban kiểm soát”: Ban kiểm soát của Công ty.
- ◆ “Ban Tổng giám đốc”: Ban Tổng giám đốc của Công ty.
- ◆ “Vốn điều lệ”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ công ty.
- ◆ “Tổ chức niêm yết”: Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
- ◆ “Tổ chức tư vấn”: Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC).
- ◆ “Tổ chức kiểm toán”: Công ty TNHH kiểm toán Mỹ.

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- ĐHĐCĐ                      Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT                      Hội đồng quản trị.
- BKS                         Ban kiểm soát.



- TGĐ Tổng Giám đốc.
- BTGD Ban Tổng Giám đốc.
- CBCNV Cán bộ công nhân viên.
- UBND Ủy ban Nhân dân.
- TSCĐ Tài sản cố định.
- TSLĐ Tài sản lưu động.
- SGDCK TP.HCM Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.
- UBCKNN Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
- TP. HCM Thành Phố Hồ Chí Minh.
- SG Sài Gòn.
- XDCCB Xây dựng cơ bản.
- TTNDN Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- TNHH Trách nhiệm hữu hạn.
- GDP Tổng sản phẩm quốc nội.
- CMND Chứng minh nhân dân.



## PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1 Giới thiệu về tổ chức niêm yết

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG.**
- Tên tiếng Anh: **SUPERDONG FAST FERRY KIEN GIANG JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: SUPERDONG FF – (KG) JOINT STOCK COMPANY.
- Vốn điều lệ: 174.748.540.000 đồng (một trăm bảy mươi bốn tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng).
- Trụ sở chính: Số 10 Đường 30/04, Khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (077) 3980111.
- Fax: (077) 3846180.
- Văn phòng đại diện: Số 12 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Tp. HCM.
- Điện thoại: (08) 38688273.
- Fax: (08) 38688373.
- Website: [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)
- Email: [superdong\\_2008@yahoo.com.vn](mailto:superdong_2008@yahoo.com.vn)



Trụ sở chính của Công ty tại Kiên Giang

## 1.2 Lịch sử hình thành

Công ty được thành lập và đi vào hoạt động ngày 14/11/2007 với tên gọi là Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang và vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 9,6 tỷ đồng. Hoạt động của Công ty là vận tải hành khách và hàng hóa ven biển, vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường thủy nội địa.

Ngày 22/01/2010 Công ty chuyển đổi hình thức thành Công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang theo giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 cấp lần đầu ngày 14/11/2007 thay đổi lần 03 ngày 22/01/2010 do Ban quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc cấp. Vốn điều lệ đăng ký là 90 tỷ đồng. Hoạt động với hai tàu cao tốc Superdong I có công suất là 1.600 mã lực, sức chở 171 hành khách, tốc độ 26 hải lý/giờ và tàu Superdong II có công suất là 2.060 mã lực, sức chở là 261 hành khách, tốc độ là 30 hải lý/giờ.

Hiện tại Công ty đã trang bị sáu tàu cao tốc gồm: tàu cao tốc Superdong I, tàu cao tốc Superdong II, tàu cao tốc Superdong III, tàu cao tốc Superdong IV, tàu cao tốc Superdong V và tàu cao tốc



Superdong VI. Tuyến hàng hải Công ty khai thác là: Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên và Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá.

Ngày 11/05/2011 Công ty được cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư chấp thuận cho giảm vốn điều lệ đã đăng ký từ 90 tỷ xuống còn thực góp là 83.500.410.000 đồng.

Ngày 19/08/2011 Công ty tăng vốn điều lệ từ 83.500.410.000 đồng lên 108.216.470.000 đồng.

Ngày 29/11/2011 Công ty tăng vốn điều lệ từ 108.216.470.000 đồng lên 113.215.990.000 đồng.

Ngày 26/04/2012 Công ty tăng vốn điều lệ từ 113.215.990.000 đồng lên 147.259.960.000 đồng.

Ngày 21/05/2012 Công ty tăng vốn điều lệ từ 147.259.960.000 đồng lên 171.322.170.000 đồng.

Ngày 12/12/2012 Công ty tăng vốn điều lệ từ 171.322.170.000 đồng lên 174.748.540.000 đồng theo giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 cấp lần đầu ngày 14/11/2007 thay đổi lần 09 ngày 12/12/2012 do Ban quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc cấp. Hiện tại Công ty chiếm thị phần lớn nhất trong lĩnh vực vận tải hành khách và hàng hóa bằng tàu cao tốc theo tuyến cố định Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá và Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên so với các công ty khác trong cùng ngành.

Với sự phát triển liên tục về quy mô của Công ty, Công ty cần phải trở thành công ty đại chúng và tiến tới việc niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, do vậy những cổ đông lớn đã quyết định chuyển nhượng cổ phần sở hữu cho cán bộ công nhân viên và những nhà đầu tư khác để làm tăng số lượng cổ đông của Công ty từ 19 cổ đông thành 311 cổ đông. Việc chuyển nhượng hoàn tất vào ngày 20/12/2012. Từ ngày 20/12/2012 Công ty đủ điều kiện để trở thành công ty đại chúng với số lượng cổ đông là 311 người với vốn điều lệ là 174.748.540.000 đồng.

### 1.3 Quá trình phát triển

#### a. Quá trình tăng vốn

##### **Lần thứ 1: giảm vốn điều lệ từ 90 tỷ đồng xuống còn 83.500.410.000 đồng.**

Ngày 22/01/2010 Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang thành Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang theo giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 cấp lần đầu ngày 14/11/2007 thay đổi lần 03 ngày 22/01/2010 do Ban quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc cấp với vốn điều lệ đăng ký là 90 tỷ đồng. Đến ngày 11/05/2011 Công ty làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ đăng ký từ 90 tỷ xuống còn 83.500.410.000 đồng bằng đúng vốn thực góp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/02/2011. Việc giảm vốn này đã không làm thay đổi cổ đông hiện hữu và đã được Ban quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc chấp thuận và cấp giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 04 ngày 11/05/2011.

- Vốn điều lệ trước khi điều chỉnh: 90.000.000.000 đồng.



- Vốn điều lệ sau khi điều chỉnh: 83.500.410.000 đồng.
- Đối tượng: cổ đông hiện hữu.
- Ngày hoàn tất thực hiện: 11/05/2011.

**Lần thứ 2: tăng vốn điều lệ từ 83.500.410.000 đồng lên 108.216.470.000 đồng.**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 số 02/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2011 Công ty tiến hành chia cổ tức năm 2010 cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu.

- Vốn điều lệ trước khi chia: 83.500.410.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau khi chia: 108.216.470.000 đồng.
- Đối tượng Phát hành: cổ đông hiện hữu.
- Số lượng cổ đông: 12 cổ đông.
- Tỷ lệ phân bổ quyền: theo tỷ lệ 100:29,6.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Ngày hoàn tất phát hành: 19/08/2011.
- Số lượng phát hành: 2.471.606 cổ phần.

**Lần thứ 3: tăng vốn điều lệ từ 108.216.470.000 đồng lên 113.215.990.000 đồng.**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2011 số 03/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/10/2011 Công ty tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2011 cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu.

- Vốn điều lệ trước khi chia: 108.216.470.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau khi chia: 113.215.990.000 đồng.
- Đối tượng Phát hành: cổ đông hiện hữu.
- Số lượng cổ đông: 15 cổ đông.
- Tỷ lệ phân bổ quyền: theo tỷ lệ 100:4,62.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Ngày hoàn tất phát hành: 29/11/2011.
- Số lượng phát hành: 499.952 cổ phần.

**Lần thứ 4: tăng vốn điều lệ từ 113.215.990.000 đồng lên 147.259.960.000 đồng.**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2012 Công ty tiến hành chia cổ tức năm 2011 cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu.



- Vốn điều lệ trước khi chia: 113.215.990.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau khi chia: 147.259.960.000 đồng.
- Đối tượng Phát hành: cổ đông hiện hữu.
- Số lượng cổ đông: 15 cổ đông.
- Tỷ lệ phân bổ quyền: theo tỷ lệ 100:30,07.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Ngày hoàn tất phát hành: 26/04/2012.
- Số lượng phát hành: 3.404.397 cổ phần.

**Lần thứ 5: tăng vốn điều lệ từ 147.259.960.000 đồng lên 171.322.170.000 đồng.**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2012 số 02/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2012 Công ty tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2012 cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu.

- Vốn điều lệ trước khi chia: 147.259.960.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau khi chia: 171.322.170.000 đồng.
- Đối tượng Phát hành: cổ đông hiện hữu.
- Số lượng cổ đông: 15 cổ đông.
- Tỷ lệ phân bổ quyền: theo tỷ lệ 100:16,34.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Ngày hoàn tất phát hành: 21/05/2012.
- Số lượng phát hành: 2.406.221 cổ phần.

**Lần thứ 6: tăng vốn điều lệ từ 171.322.170.000 đồng lên 174.748.540.000 đồng.**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2012 số 03/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/10/2012 Công ty tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2012 cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu.

- Vốn điều lệ trước khi chia: 171.322.170.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau khi chia: 174.748.540.000 đồng.
- Đối tượng Phát hành: cổ đông hiện hữu.
- Số lượng cổ đông: 19 cổ đông.
- Tỷ lệ phân bổ quyền: theo tỷ lệ 100:2.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.

- Ngày hoàn tất phát hành: 12/12/2012.
- Số lượng phát hành: 342.637 cổ phần.

**b. Kinh doanh – sản phẩm – thị trường**

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 thay đổi lần thứ 11 ngày 18/04/2014 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm: vận tải hành khách ven biển; vận tải hàng hóa ven biển; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; vận tải hành khách đường bộ; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; khách sạn; nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ phục vụ đồ uống; điều hành tua du lịch; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

Hiện tại Công ty đang sử dụng sáu tàu cao tốc Superdong I, Superdong II, Superdong III, Superdong IV, Superdong V và Superdong VI để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường ven biển và đường thủy nội địa. Tuyến hành trình cụ thể Công ty đang khai thác là:

Tàu cao tốc Superdong I, Superdong II khai thác tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên.

Tàu cao tốc Superdong III, Superdong IV, Superdong V và Superdong VI khai thác tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá.

**c. Chiến lược kinh doanh:**

Củng cố hoạt động hiện tại bằng cách tăng cường chất lượng dịch vụ trên các tuyến đang khai thác.

Khai thác thêm thị trường mới bằng cách đưa thêm dịch vụ mới, điển hình như phát triển mô hình phà chuyên chở hành khách và các phương tiện lớn như: xe tải, xe hơi 50 chỗ.

**d. Tầm nhìn và sứ mệnh:**

▪ **Tầm nhìn:**

Tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu về vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc trong địa bàn Tỉnh Kiên Giang.

Tìm cơ hội mở rộng hoạt động qua các Tỉnh khác và cũng duy trì vị trí đứng đầu về vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc tại Việt Nam.

Trong tương lai sẽ trang bị tàu cao tốc lớn hơn để đáp ứng nhu cầu vận tải phương tiện vận chuyển, hàng hóa và hành khách cùng lúc.

▪ **Sứ mệnh:**

Giúp khách du lịch di chuyển giữa Phú Quốc và Rạch Giá, giữa Hà Tiên và Phú Quốc cảm nhận sự thoải mái và tiện nghi ở mức giá hợp lý bằng phương tiện tàu cao tốc.

Dịch vụ của chúng tôi sẽ phù hợp mục tiêu của Chính phủ về phát triển Phú Quốc thành điểm du lịch quan trọng nhất của Quốc gia và thế giới.

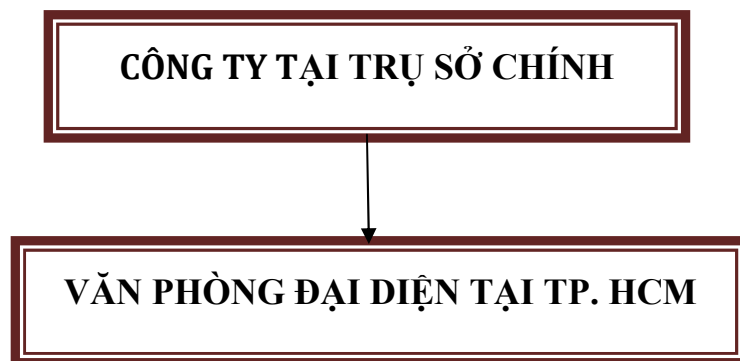
**e. Thành tích của Công ty:**

Trong quá trình hoạt động, Công ty được tặng thưởng các bằng khen của các tổ chức, ban ngành cụ thể như:

Stt	Nơi cấp	Thành tích	Thời gian	Người ký
1.	Sở công thương Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích ủng hộ tiền cho người nghèo khó năm 2013	15/03/2013	Giám đốc Huỳnh Văn Gành
2.	UBND Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích xuất sắc việc nộp thuế năm 2012	08/02/2013	Chủ tịch UBND Tỉnh Kiên Giang Lê Văn Thi
3.	Bảo hiểm xã hội Tỉnh Kiên Giang	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2011	15/02/2012	Giám đốc Trương Hữu Cường
4.	Chính phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam	Đã có thành tích trong công tác xã hội từ thiện từ năm 2005 đến năm 2009 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc	26/01/2011	Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng
5.	Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ	Cúp vàng sản phẩm, dịch vụ xuất sắc lần II năm 2009	30/12/2009	Chủ tịch Hiệp hội DNNVN TS.Cao Sỹ Kiêm
6.	UBND Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích xuất sắc trong vận động, tài trợ kinh phí cho bệnh nhân và người nghèo Tỉnh Kiên Giang 5 năm (2003 – 2008)	28/11/2008	Chủ tịch UBND Tỉnh Kiên Giang Bùi Ngọc Sương

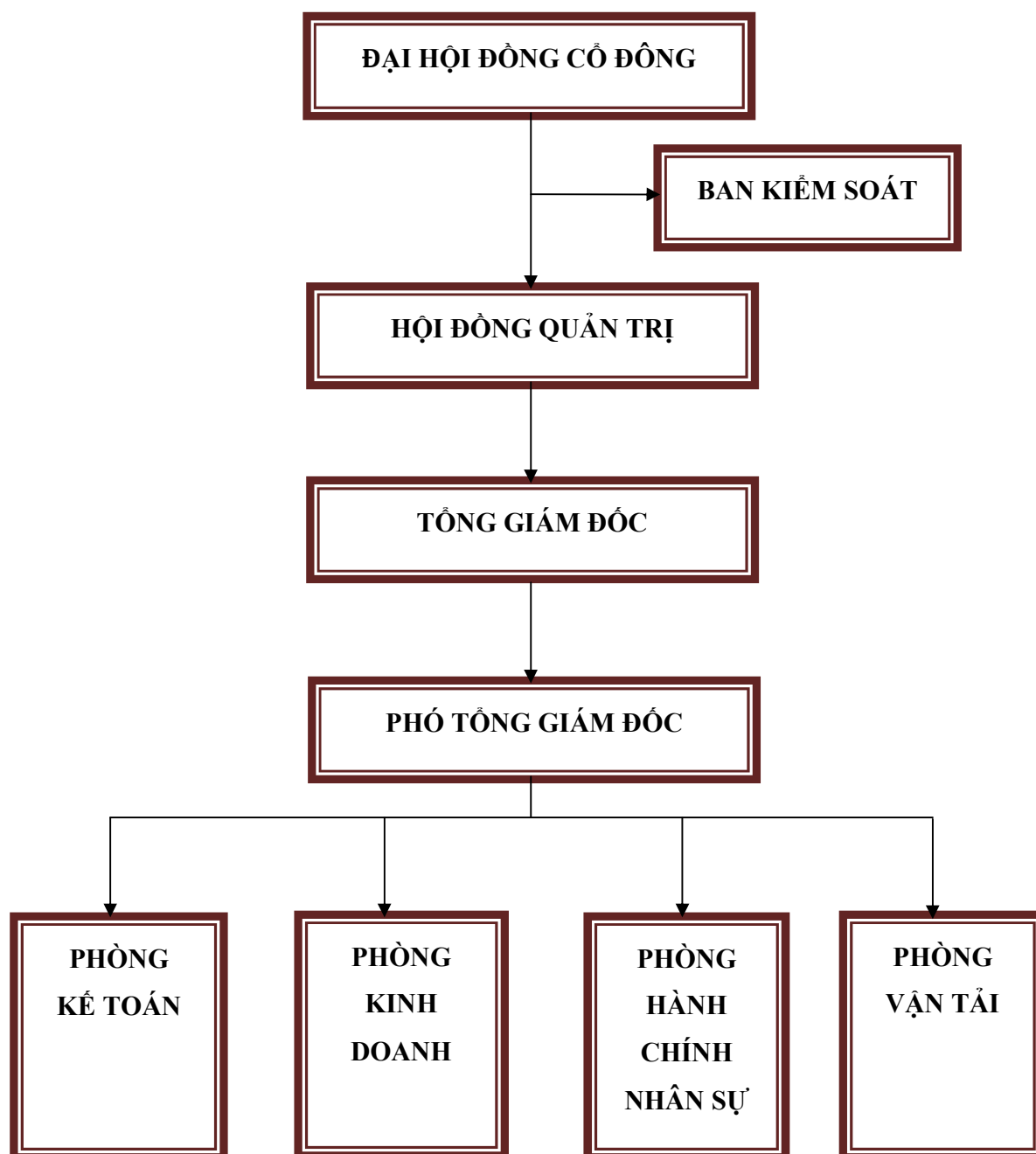
**2. Cơ cấu tổ chức công ty**

Sơ đồ cơ cấu tổ chức



**Diễn giải:**

- Công ty đặt trụ sở chính tại Số 10, Đường 30/04, Khu phố 02, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.
- Văn phòng đại diện tại Tp. HCM được đặt tại số 12 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Tp. HCM với chức năng là hỗ trợ những hoạt động kinh doanh chính của trụ sở chính như tìm kiếm các đối tác mới, khách hàng mới.

**3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty**

**Diễn giải:****▪ Đại Hội Đồng Cổ Đông:**

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông ủy quyền. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ như sau:

- Thông qua định hướng phát triển Công ty.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty.
- Quyết định bổ sung, sửa đổi điều lệ Công ty.
- Quyết định loại cổ phần chào bán mới, số lượng cổ phần chào bán mới, giá chào bán.
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
- Các nhiệm vụ khác do điều lệ Công ty quy định.

**▪ Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có từ năm người đến mười một người do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT có quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ.
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng, tổ chức việc chi trả cổ tức.
- Các quyền và nghĩa vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

**▪ Ban kiểm soát:**

Là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty.

Ban kiểm soát có 03 thành viên, trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một người có chuyên môn về tài chính kế toán. Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi trình HĐQT.
- Xem xét báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận.

▪ **Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Quyết định các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ công ty.

▪ **Phó tổng giám đốc:**

Là người phụ trách các phần việc được Tổng giám đốc giao phó và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về công việc của mình.

▪ **Các bộ phận phòng ban:**

- Phòng Hành chính Nhân sự: quản lý, bố trí nhân sự theo thẩm quyền và yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quản lý theo dõi công tác bồi dưỡng cán bộ, nghiệp vụ chuyên môn, nâng bậc lương cho CBCNV. Bảo đảm các chế độ chính sách cho người lao động theo chế độ hiện hành và một số nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao.
- Phòng Kế toán: tham mưu cho Tổng giám đốc chỉ đạo, quản lý, điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán. Chủ động huy động tài chính và quản lý công tác đầu tư tài chính, cân đối các nguồn vốn phù hợp với tình hình của Công ty trong từng thời kỳ. Xây dựng, hướng dẫn theo dõi và kiểm tra thực hiện quy chế tài chính và những quy định khác áp dụng trong nội bộ Công ty và những công việc phát sinh theo sự phân công của Tổng giám đốc và HĐQT.

- Phòng Kinh doanh: phụ trách việc tìm kiếm khách hàng và phát triển thị trường, đảm bảo việc phát triển kinh doanh đạt mục tiêu đề ra và phù hợp với các quy định về cạnh tranh hoặc quy định về quảng cáo.
- Phòng vận tải: Phòng vận tải có 06 tàu và có 06 thuyền trưởng, thuyền trưởng là người chịu trách nhiệm điều hành hoạt động chuyên chở của tàu và ra mọi quyết định trong quá trình vận tải.

#### 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

##### 4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trực tiếp hay gián tiếp từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 06/01/2014

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND	CP sở hữu	Tỷ lệ
1.	Quách Hồng	130 lô AF, Đường số 22, Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM	020661672	1.373.018	7,857%
2.	Hà Nguyệt Nhi	343/29 Vĩnh Viễn, Phường 5, Quận 10, Tp. HCM	023469184	1.363.660	7,804%
3.	Ting Chek Hua	12B, Jalan Kawi, Sibul, Sarawak, Malaysia 96000	K24041119	1.157.008	6,621%
4.	Puan Kwong Siing	20 First floor Tan Sri Road 96000 Sibul Sarawak, Malaysia	K24554905	3.927.800	22,477%
5.	Nguyễn Thị Thiên Hương	897/40A Trần Hưng Đạo, Phường 01, Quận 05, Tp. HCM	023094334	1.998.446	11,436%
	<b>Cộng</b>			<b>9.819.932</b>	<b>56,195%</b>

##### 4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại ngày 06/01/2014

Không có.

##### 4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 06/01/2014

Stt	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
-----	---------	----------	--------------	---------------	-------



Stt	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
1	<b>Cổ đông đặc biệt</b>	<b>11</b>	<b>9.554.214</b>	<b>95.542.140.000</b>	<b>54,6741%</b>
	Trong đó:				
	HDQT	8	9.547.481	95.474.810.000	54,6355%
	BKS	2	2.102	21.020.000	0,0120%
KTT	1	4.631	46.310.000	0,0265%	
2	Cổ đông là CBCNV	76	367.471	3.674.710.000	2,1029%
3	Cổ đông là cá nhân trong nước	228	5.294.361	52.943.610.000	30,2970%
4	Cổ đông là tổ chức trong nước	1	513.963	5.139.630.000	2,9412%
5	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	3	1.744.845	17.256.450.000	9,9849%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>319</b>	<b>17.474.854</b>	<b>174.748.540.000</b>	<b>100,000%</b>

Nguồn: Công ty

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

**5.1. Danh sách công ty mẹ của Công ty**

Không có.

**5.2. Danh sách công ty con của Công ty**

Không có.

**5.3. Công ty mà Công ty đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có.

**5.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đăng ký niêm yết**

Không có.

## 6. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động của Công ty là vận tải hành khách và hàng hóa ven biển, vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa. Công ty đang khai thác tất cả sáu tàu cao tốc là tàu cao tốc Superdong I, tàu cao tốc Superdong II, tàu cao tốc Superdong III, tàu cao tốc Superdong IV, tàu cao tốc Superdong V và tàu cao tốc Superdong VI. Tất cả các tàu cao tốc này đều do đội ngũ thuyền viên dày dạn kinh nghiệm đã hoạt động nhiều năm tại vùng biển Kiên Giang vận hành và điều khiển. Hiện Công ty đang khai thác sáu tàu cao tốc tại các tuyến sau:

### 6.1. Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên

Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên: hiện đang khai thác tàu cao tốc Superdong I, Superdong II.

Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên là tuyến đường từ đất liền ra đảo nên tàu chạy trên tuyến đường vừa trên sông vừa trên biển.



Trụ sở bến tàu cao tốc tại Kiên Giang



**TÀU CAO TỐC HÀ TIÊN → PHÚ QUỐC → RẠCH GIÁ  
SUPERDONG - FAST FERRY**

**SUPERDONG - Sự lựa chọn hoàn hảo**  
**Tàu lớn - An toàn - Nhanh chóng - Tiện lợi**

*Safely - Speed - Comfort - Seat capacity*  
*Superdong fast ferry - Perfect choice*

TÀU/FERRY	TẢI TRỌNG SEATS	HÀ TIÊN - PHÚ QUỐC	PHÚ QUỐC - HÀ TIÊN
SUPERDONG I	171	08h00	13h30
SUPERDONG II	261	13h00	08h30
TÀU/FERRY	TẢI TRỌNG SEATS	RẠCH GIÁ - PHÚ QUỐC	PHÚ QUỐC - RẠCH GIÁ
SUPERDONG III	306	8h00	13h00
SUPERDONG IV		13h00	08h00
SUPERDONG V	275	09h00	13h00
SUPERDONG VI		13h00	09h00
SUPERDONG VII	<b>TÀU MỚI 2014 NEW FERRIES IN 2014</b>		
SUPERDONG VIII			

PHÚ QUỐC: 0773 980 111 HÀ TIÊN: 0773 955 933  
RẠCH GIÁ: 0773 877 742 TPHCM: 08 38 666 333

Email: superdong\_2008@yahoo.com.vn, superdong.rachgia@gmail.com Website: http://superdong.com.vn

Lịch hoạt động của các tàu cao tốc

**TÀU CAO TỐC SUPERDONG - SUPERDONG FAST FERRY  
PHÚ QUỐC – HÀ TIÊN**

	Tuyến - Route -	Tải trọng - Seat -	Tàu - Ferry -	Giờ khởi hành - Departure -
		Hà Tiên - Phú Quốc	261	Superdong II
171			Superdong I	13h00 - 14h15
Phú Quốc - Hà Tiên		171	Superdong I	08h30 - 09h45
		261	Superdong II	13h30 - 14h45

**Phòng vé:** - Hà Tiên: 11, Đường Trần Hữu, P. Bình San, TX Hà Tiên. Tel: 0773 955 933. Fax: 0773 955 989  
- Phú Quốc: 10, Đường 30/4, Kp2, TT Dương Đông, Phú Quốc. Tel: 0773 980 111. Fax: 0773 846 180

Lịch hoạt động của các tàu cao tốc



Phòng vé tại Rạch Giá

**Tàu cao tốc Superdong I:** tổng công suất là 1.600 mã lực, sức chở 171 hành khách, tốc độ 26 hải lý/giờ. Tàu cao tốc Superdong I là loại tàu một thân được đóng tại Malaysia. Đây là loại tàu chuyên dùng để chạy trên vùng biển Kiên Giang vì thân tàu được thiết kế phù hợp với đặc tính sóng và gió tại tuyến đường này. Tính năng ưu việt của tàu một thân là giúp tàu chạy với tốc độ cao hơn và tiết kiệm nhiên liệu hơn các loại tàu khác khi chạy ngoài biển. Ngoài ra tàu sẽ ít bị sóng biển dằn xóc hơn loại tàu khác và độ an toàn cao hơn.

Tàu cao tốc Superdong I được trang bị 2 máy chính hiệu Mitsubishi với tổng công suất là 1.600 mã lực, đây là nhà sản xuất máy tàu nổi tiếng trên thế giới, cung cấp máy tàu cho nhiều tàu cao tốc hoạt động trên thế giới.

Tàu cao tốc Superdong I được thiết kế có 171 ghế ngồi để vận chuyển được 171 hành khách, mỗi ghế ngồi được trang bị một áo phao cứu hộ. Tàu được trang bị phao bè cứu sinh, hàng năm được kiểm tra định kỳ theo quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam.

Đội ngũ nhân sự trên tàu cao tốc Superdong I gồm 1 thuyền trưởng là người chỉ huy cao nhất trên tàu. Tổng số lượng thuyền viên là 10 người.

Tàu hoạt động theo Giấy Chứng nhận an toàn tàu khách do Chi Cục đăng kiểm Kiên Giang quản lý. Vấn đề an toàn khi vận hành luôn được theo dõi kiểm tra định kỳ, hồ sơ các đợt kiểm tra được bảo quản theo đúng quy định.

Tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc, lịch trình vận chuyển tàu cao tốc Superdong I là mỗi ngày 1 chuyến đi và về. Lượng hành khách bình quân mỗi chuyến là 70% sức chở.

Trang trí nội thất tiện nghi, có khu dành riêng cho khách hút thuốc và ngắm cảnh biển thiên nhiên, cảm giác thoải mái.

Hàng hóa vận chuyển chủ yếu là hải sản tươi, hàng hóa tươi, hàng hóa ký gửi hàng ngày của người dân địa phương vì tàu chỉ chạy trong vòng 1 giờ 20 phút.



Hướng dẫn an toàn cho khách trước khi khởi hành

**Tàu cao tốc Superdong II:** tổng công suất là 2.060 mã lực, sức chở là 261 hành khách, tốc độ là 30 hải lý/giờ. Tàu được đóng tại Malaysia. Thân tàu được thiết kế để chuyên vận hành trên vùng biển Kiên Giang. Được trang bị 2 máy chính hiệu Mitsubishi với tổng công suất là 2.060 mã lực, đây là

nhà sản xuất máy tàu nổi tiếng trên thế giới cung cấp máy tàu cho nhiều tàu cao tốc hoạt động trên thế giới.

Tàu cao tốc Superdong II được thiết kế có 261 ghế ngồi để vận chuyển được 261 hành khách, mỗi ghế ngồi được trang bị một áo phao cứu hộ. Tàu được trang bị phao bè cứu sinh, hàng năm được kiểm tra định kỳ theo quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam.

Đội ngũ nhân sự trên tàu cao tốc Superdong II gồm 1 thuyền trưởng là người chỉ huy cao nhất trên tàu. Tổng số lượng thuyền viên là 12 người.

Tàu hoạt động theo Giấy Chứng nhận an toàn tàu khách do Chi Cục đăng kiểm Kiên Giang quản lý. Vấn đề an toàn khi vận hành luôn được theo dõi kiểm tra định kỳ, hồ sơ các đợt kiểm tra được bảo quản theo đúng quy định.

Tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc, lịch trình vận chuyển tàu cao tốc Superdong II là mỗi ngày 1 chuyến đi và về. Lượng hành khách bình quân mỗi chuyến là 70% sức chở.

Trang trí nội thất tiện nghi, có khu dành riêng cho khách hút thuốc và ngắm cảnh biển thiên nhiên, cảm giác thoải mái.

Hàng hóa vận chuyển chủ yếu là hải sản tươi, hàng hóa tươi, hàng hóa ký gửi hàng ngày của người dân địa phương vì tàu chỉ chạy trong vòng 1 giờ 20 phút.



Tàu cao tốc Superdong II



Tầng trên của Tàu Superdong II



Tàu cao tốc Superdong II tại bến

## 6.2. Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá

Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá: hiện đang khai thác các tàu cao tốc Superdong III, Superdong IV, Superdong V và Superdong VI.

Các tàu cao tốc Superdong III, Superdong IV, Superdong V và Superdong VI đều là tàu một thân nên đều có những tính năng ưu việt giống như tàu cao tốc Superdong I và Superdong II. Ngoài ra, các tàu cao tốc này còn có thêm phòng VIP và quầy bar.

**Tàu cao tốc Superdong III:** tổng công suất là 2.080 KW, sức chở là 306 hành khách, tốc độ là 30 hải lý/giờ.

Tàu được đóng tại Malaysia. Thân tàu được thiết kế để chuyên vận hành trên tuyến Rạch Giá – Phú Quốc. Được trang bị 2 máy chính hiệu Mitsubishi với tổng công suất là 2.080 KW, đây là nhà sản xuất máy tàu nổi tiếng trên thế giới cung cấp máy tàu cho nhiều tàu cao tốc hoạt động trên thế giới.

Tàu cao tốc Superdong III được thiết kế có 306 ghế ngồi để vận chuyển được 306 hành khách, mỗi ghế ngồi được trang bị một áo phao cứu hộ. Tàu được trang bị phao bè cứu sinh, hàng năm được kiểm tra định kỳ theo quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam.

Đội ngũ nhân sự trên tàu cao tốc Superdong III gồm 1 thuyền trưởng là người chỉ huy cao nhất trên tàu. Tổng số lượng thuyền viên là 13 người.

Tàu hoạt động theo Giấy Chứng nhận an toàn tàu khách do Chi Cục đăng kiểm Kiên Giang quản lý. Vấn đề an toàn khi vận hành luôn được theo dõi kiểm tra định kỳ, hồ sơ các đợt kiểm tra được bảo quản theo đúng quy định.

Tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc, lịch trình vận chuyển tàu cao tốc Superdong III là mỗi ngày 1 chuyến đi và về. Lượng hành khách bình quân mỗi chuyến là 70% sức chở.

Trang trí nội thất tiện nghi, có khu dành riêng cho khách hút thuốc và ngắm cảnh biển thiên nhiên, cảm giác thoải mái.

Hàng hóa vận chuyển chủ yếu là hải sản tươi, hàng hóa tươi, hàng hóa ký gửi hàng ngày của người dân địa phương vì tàu chỉ chạy trong vòng 2 giờ 30 phút.





Tàu cao tốc Superdong III



Tầng dưới tàu Superdong III



Tàu cao tốc Superdong III tại bến chuẩn bị khởi hành

**Tàu cao tốc Superdong IV:** đặc tính kỹ thuật và quy trình vận hành giống như tàu cao tốc Superdong III.

Tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc, lịch trình vận chuyển tàu cao tốc Superdong IV là mỗi ngày 1 chuyến đi và về. Lượng hành khách bình quân mỗi chuyến là 70% sức chở.

Trang trí nội thất tiện nghi, có khu dành riêng cho khách hút thuốc và ngắm cảnh biển thiên nhiên, cảm giác thoải mái.

Hàng hóa vận chuyển chủ yếu là hải sản tươi, hàng hóa tươi, hàng hóa ký gửi hàng ngày của người dân địa phương vì tàu chỉ chạy trong vòng 2 giờ 30 phút.



Tàu cao tốc Superdong IV chuẩn bị cập bến Rạch Giá



Tàu cao tốc Superdong IV chuẩn bị khởi hành



Tầng I của tàu Superdong IV

**Tàu cao tốc Superdong V:** tổng công suất là 1.518 KW, sức chở là 275 hành khách, tốc độ là 27 hải lý/giờ.

Tàu được đóng tại Malaysia. Thân tàu được thiết kế để chuyên vận hành trên tuyến Rạch Giá – Phú Quốc. Được trang bị 2 máy chính hiệu Mitsubishi với tổng công suất là 1.518 KW, đây là nhà sản xuất máy tàu nổi tiếng trên thế giới cung cấp máy tàu cho nhiều tàu cao tốc hoạt động trên thế giới.

Tàu cao tốc Superdong V được thiết kế có 275 ghế ngồi để vận chuyển được 275 hành khách, mỗi ghế ngồi được trang bị một áo phao cứu hộ. Tàu được trang bị phao bè cứu sinh, hàng năm được kiểm tra định kỳ theo quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam.

Đội ngũ nhân sự trên tàu cao tốc Superdong V gồm 1 thuyền trưởng là người chỉ huy cao nhất trên tàu. Tổng số lượng thuyền viên là 12 người.

Tàu hoạt động theo Giấy Chứng nhận an toàn tàu khách do Chi Cục đăng kiểm Kiên Giang quản lý. Vấn đề an toàn khi vận hành luôn được theo dõi kiểm tra định kỳ, hồ sơ các đợt kiểm tra được bảo quản theo đúng quy định.

Tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc, lịch trình vận chuyển tàu cao tốc Superdong V là mỗi ngày 1 chuyến đi và về. Lượng hành khách bình quân mỗi chuyến là 70% sức chở.

Trang trí nội thất hiện đại, đầy đủ tiện nghi, có khu dành riêng cho khách hút thuốc và ngắm cảnh biển thiên nhiên, cảm giác thoải mái.



Hàng hóa vận chuyển chủ yếu là hải sản tươi, hàng hóa tươi, hàng hóa ký gửi hàng ngày của người dân địa phương vì tàu chỉ chạy trong vòng 2 giờ 30 phút.



Tàu cao tốc Superdong V



Tầng dưới khoang trước của tàu Superdong V



Tàu cao tốc Superdong V tại bến

**Tàu cao tốc Superdong VI:** đặc tính kỹ thuật và quy trình vận hành giống như tàu cao tốc Superdong V.



Phòng VIP của tàu Superdong VI



Mini bar của tàu Superdong VI

### 6.3. Doanh thu và chi phí của các hoạt động chính của Công ty

#### 6.3.1. Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm, dịch vụ phân theo tàu cao tốc

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Doanh thu thuần	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1.	Tàu cao tốc Superdong I	7.662	7,30%	19.292	13,44%	19.918	12,12%
2.	Tàu cao tốc Superdong II	39.054	37,21%	15.224	10,61%	13.243	8,06%
3.	Tàu cao tốc Superdong III	37.846	36,05%	55.156	38,42%	40.655	24,75%
4.	Tàu cao tốc Superdong IV	20.402	19,44%	53.882	37,53%	51.426	31,30%
5.	Tàu cao tốc Superdong V					22.905	13,94%
6.	Tàu cao tốc Superdong VI					16.147	9,83%
7.	<b>Tổng cộng</b>	<b>104.964</b>	<b>100,00%</b>	<b>143.554</b>	<b>100,00%</b>	<b>164.294</b>	<b>100,00%</b>



(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013)

Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2012 tăng mạnh lên tới 136,76% so với năm 2011, trong đó doanh thu thuần của tàu cao tốc Superdong I năm 2012 tăng tới 251,79% so với năm 2011, tàu cao tốc Superdong III tăng tới 145,74% so với năm 2011, tàu cao tốc Superdong IV tăng tới 264,10% so với năm 2011, riêng tàu cao tốc Superdong II giảm xuống bằng 38,98% so với năm 2011. Doanh thu thuần tàu cao tốc Superdong II giảm do từ tháng 7/2011 tàu Superdong IV được đưa vào hoạt động, và giai đoạn 2012 thì tàu Superdong III và IV hoạt động thường xuyên các chuyến trong ngày, riêng tàu Superdong II chỉ hoạt động thay thế khi các tàu Superdong III, Superdong IV sửa chữa.

Năm 2013 doanh thu Công ty tăng mạnh đạt 114,45% so với năm 2012 vì Công ty đưa thêm tàu Superdong V và Superdong VI vào hoạt động.

### 6.3.2. Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm, dịch vụ phân theo tuyến khai thác

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Doanh thu thuần	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1.	Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên	2.512	2,39%	19.292	13,44%	26.798	16,31%
2.	Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá	102.452	97,61%	124.262	86,56%	137.496	83,69%
3.	<b>Tổng cộng</b>	<b>104.964</b>	<b>100,00%</b>	<b>143.554</b>	<b>100,00%</b>	<b>164.294</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013)

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá (chiếm trên 80% tổng doanh thu) và doanh thu của cả hai tuyến đều tăng mạnh nhưng tốc độ tăng của tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên tăng nhanh hơn tốc độ tăng của tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá là do trong năm 2011 Công ty bắt đầu khai thác tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên từ tháng 08/2011 (chỉ 04 tháng cuối năm) nên doanh thu cả năm 2012 rất cao so với năm 2011, doanh thu năm 2013 cao hơn doanh thu năm 2012 do từ tháng 07/2013 Công ty đưa thêm tàu cao tốc Superdong II vào khai thác tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên.

### 6.3.3. Giá vốn hàng bán từng nhóm sản phẩm, dịch vụ phân theo tàu cao tốc

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Giá vốn hàng bán	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng

Stt	Giá vốn hàng bán	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1.	Tàu cao tốc Superdong I	8.167	13,99%	11.208	15,77%	11.953	12,52%
2.	Tàu cao tốc Superdong II	19.106	32,73%	11.920	16,78%	13.386	14,02%
3.	Tàu cao tốc Superdong III	20.687	35,44%	23.527	33,11%	22.010	23,04%
4.	Tàu cao tốc Superdong IV	10.409	17,83%	24.399	34,34%	25.913	27,13%
5.	Tàu cao tốc Superdong V					14.009	14,67%
6.	Tàu cao tốc Superdong VI					8.237	8,62%
7.	<b>Tổng cộng</b>	<b>58.369</b>	<b>100,00%</b>	<b>71.054</b>	<b>100,00%</b>	<b>95.508</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013)

Năm 2012 tỷ trọng giá vốn hàng bán của tàu Superdong I, Superdong II và Superdong III đều giảm, riêng tàu Superdong IV tăng mạnh vì tàu Superdong IV hoạt động từ tháng 8 năm 2011, nên chi phí của tàu Superdong IV trong năm 2011 chỉ bao gồm 5 tháng.

Năm 2013 tỷ trọng giá vốn hàng bán các tàu Superdong I, Superdong II, Superdong III và Superdong IV tiếp tục giảm vì Công ty đưa thêm tàu Superdong V và tàu Superdong VI vào hoạt động.

#### 6.3.4. Giá vốn hàng bán từng nhóm sản phẩm, dịch vụ phân theo tuyến khai thác

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Giá vốn hàng bán	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1.	Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên	3.863	6,62%	11.208	15,77%	18.166	19,02%
2.	Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá	54.506	93,38%	59.846	84,23%	77.342	80,98%
3.	<b>Tổng cộng</b>	<b>58.369</b>	<b>100,00%</b>	<b>71.054</b>	<b>100,00%</b>	<b>95.508</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013)

Tỷ lệ giá vốn hàng bán của tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá cao hơn tỷ lệ của tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên, tương ứng với tỷ lệ doanh thu của tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá cao hơn tỷ lệ của tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên.

### 6.3.5. Giá vốn hàng bán từng nhóm sản phẩm, dịch vụ so với doanh thu thuần phân theo tàu cao tốc

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Giá vốn hàng bán	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
1.	Tàu cao tốc Superdong I	8.167	7,78%	11.208	7,81%	11.953	7,27%
2.	Tàu cao tốc Superdong II	19.106	18,20%	11.920	8,30%	13.386	8,15%
3.	Tàu cao tốc Superdong III	20.687	19,71%	23.527	16,39%	22.010	13,40%
4.	Tàu cao tốc Superdong IV	10.409	9,92%	24.399	17,00%	25.913	15,77%
5.	Tàu cao tốc Superdong V					14.009	8,53%
6.	Tàu cao tốc Superdong VI					8.237	5,01%
7.	<b>Tổng cộng</b>	<b>58.369</b>	<b>55,61%</b>	<b>71.054</b>	<b>49,50%</b>	<b>95.508</b>	<b>58,13%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013)

Năm 2012 tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần của tàu Superdong I, Superdong II và Superdong III đều giảm, riêng tàu Superdong IV tăng mạnh vì năm 2012 tàu Superdong IV chạy liên tục 12 tháng, doanh thu tăng mạnh, chiếm tỷ trọng 37,53%, giá vốn cũng tăng mạnh tương ứng, chiếm tỷ trọng 34,34%, dẫn đến tỷ trọng giá vốn so với doanh thu tăng cao.

Năm 2013 tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần các tàu Superdong I, Superdong II, Superdong III và Superdong IV tiếp tục giảm vì Công ty đưa thêm tàu Superdong V và tàu Superdong VI vào hoạt động.

### 6.3.6. Giá vốn hàng bán từng nhóm sản phẩm, dịch vụ so với doanh thu thuần phân theo tuyến khai thác

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Giá vốn hàng bán	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
1.	Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên	3.863	3,68%	11.208	7,81%	18.166	11,06%
2.	Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá	54.506	51,93%	59.846	41,69%	77.342	47,07%
3.	<b>Tổng cộng</b>	<b>58.369</b>	<b>55,61%</b>	<b>71.054</b>	<b>49,50%</b>	<b>95.508</b>	<b>58,13%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013)

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ lệ nhỏ so với doanh thu và tỷ lệ giá vốn hàng bán so với doanh thu của tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên tăng nhanh trong khi tỷ lệ giá vốn hàng bán so với doanh thu của tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá có xu hướng ổn định.

### 6.3.7. Lợi nhuận gộp của từng nhóm sản phẩm, dịch vụ phân theo tàu cao tốc

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Lợi nhuận gộp	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1.	Tàu cao tốc Superdong I	-505	-1,08%	8.084	11,15%	7.964	11,58%
2.	Tàu cao tốc Superdong II	19.947	42,81%	3.304	4,56%	-142	-0,21%
3.	Tàu cao tốc Superdong III	17.160	36,83%	31.629	43,63%	18.645	27,11%
4.	Tàu cao tốc Superdong IV	9.993	21,44%	29.483	40,66%	25.512	37,09%
5.	Tàu cao tốc Superdong V					8.897	12,93%
6.	Tàu cao tốc Superdong VI					7.910	11,50%
7.	<b>Tổng cộng</b>	<b>46.595</b>	<b>100,00%</b>	<b>72.500</b>	<b>100,00%</b>	<b>68.786</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013)

Trong năm 2011 lợi nhuận gộp của tàu cao tốc Superdong I bị âm 505 triệu đồng do từ tháng 8/2011 tham gia tuyến Phú Quốc – Hà Tiên, và vì mới hoạt động nên lượng khách chưa có, đồng thời đây là

mùa thấp điểm nên doanh thu giảm mạnh, trong khi đó các chi phí như khấu hao, nhiên liệu và nhân công không giảm. Sang năm 2012, lượng khách quen đã dần ổn định, công suất tàu tăng lên nên lợi nhuận tăng lên 8.084 triệu đồng. Lợi nhuận gộp của tàu cao tốc Superdong II năm 2011 là 19.947 triệu đồng nhưng trong năm 2012 giảm xuống 3.304 triệu đồng là do hoạt động không liên tục. Ngược lại tàu cao tốc Superdong III và tàu Superdong IV trong năm 2012 đều tăng mạnh so với năm 2011 do lượng khách tuyến này tăng cao.

Năm 2013 lợi nhuận gộp các tàu Superdong I, Superdong II, Superdong III và Superdong IV đều giảm vì Công ty đưa tàu Superdong V và Superdong VI vào hoạt động.

### 6.3.8. Lợi nhuận gộp của từng nhóm sản phẩm, dịch vụ phân theo tuyến khai thác

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Lợi nhuận gộp	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
8.	Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên	-1.351	-2,90%	8.084	11,15%	8.632	12,55%
9.	Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá	47.946	102,90%	64.416	88,85%	60.154	87,45%
10.	<b>Tổng cộng</b>	<b>46.595</b>	<b>100,00%</b>	<b>72.500</b>	<b>100,00%</b>	<b>68.786</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013)

Lợi nhuận gộp của tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên tăng dần qua các năm trong khi lợi nhuận gộp của tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá tương đối ổn định.

### 6.4. Nguyên vật liệu

#### a. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính để vận hành các tàu cao tốc là dầu DO, dầu này được nhập từ các công ty xăng dầu. Công ty ký hợp đồng nguyên tắc với nhà cung cấp là các công ty kinh doanh xăng dầu có quy mô lớn như: DNTN Phi Hải, Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang, Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu An Bình, Công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang. Các nhà cung cấp sẽ cung cấp số lượng dầu theo đơn đặt hàng của Công ty với mức giá bằng giá tại thời điểm cung cấp có trừ phần hoa hồng là 2% – 3%.

#### b. Sự ổn định và ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Loại dầu DO là loại dầu thông dụng trên thế giới nên không có vấn đề khan hiếm trên thế giới và các công ty kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam nhập về đều đặn và ổn định. Nguồn nguyên liệu dầu DO được các nhà cung cấp bảo đảm sự ổn định về số lượng thông qua hợp đồng ký kết.

Ngược lại, giá dầu DO lại biến động tùy thuộc vào giá dầu thô trên thế giới. Giá dầu cung cấp cho Công ty được tính tại thời điểm mua bán có trừ mức hoa hồng. Vì vậy sự biến động giá dầu DO sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Trong những năm gần đây giá dầu có xu hướng tăng, khi giá dầu tăng đến một mức đáng kể thì Công ty làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý về giá cước vận chuyển chấp thuận cho Công ty được tăng giá cước vận chuyển. Và Cơ quan này sẽ có văn bản trả lời Công ty trong thời hạn 5 ngày làm việc.

#### 6.5. Tỷ trọng các loại chi phí so với doanh thu thuần

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Diễn giải	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
1.	Giá vốn hàng bán	58.369	55,61%	71.054	49,50%	95.508	58,13%
2.	Chi phí tài chính	239	0,23%	408	0,28%	297	0,18%
3.	Chi phí bán hàng	3.222	3,07%	7.894	5,50%	4.330	2,64%
4.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.901	4,67%	4.526	3,15%	8.416	5,12%
5.	Chi phí khác	2	0,00%	205	0,14%	0	0,00%
<b>6.</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>66.733</b>	<b>63,58%</b>	<b>84.087</b>	<b>58,57%</b>	<b>108.551</b>	<b>66,07%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013)

Cơ cấu chi phí của Công ty tương đối ổn định qua các năm, riêng cơ cấu chi phí bán hàng năm 2012 tăng so với năm 2011 là do Công ty đẩy mạnh việc khuyến mại trong năm này.

#### 6.6. Trình độ công nghệ

Phương tiện vận chuyển của Công ty gồm có sáu tàu cao tốc Superdong I, Superdong II, Superdong III, Superdong IV, Superdong V và Superdong VI. Đây là các tàu cao tốc được thiết kế và đóng theo kỹ thuật mới, mỗi tàu được thiết kế phù hợp với từng tuyến đường vận chuyển cụ thể nhằm mục đích tăng tối đa sự an toàn khi vận hành và giảm chi phí xuống mức thấp nhất. Hiện nay, trên các tuyến đường mà Công ty đang cung cấp dịch vụ vận chuyển thì Công ty có đội ngũ tàu cao tốc nhiều nhất,

tàu mới nhất. Tàu Superdong I đóng mới năm 2002, Tàu Superdong II đóng mới năm 2008, Tàu Superdong III đóng mới năm 2010, Tàu Superdong IV đóng mới năm 2011, Tàu Superdong V và Superdong VI đóng mới năm 2012.

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả quản trị Công ty cũng dự định sẽ áp dụng hệ thống quản trị theo tiêu chuẩn ISO 9000 phiên bản 2008.

### **6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Công ty luôn tìm hiểu nhu cầu thị trường để đưa thêm sản phẩm mới ra thị trường cũng như luôn quan tâm mở rộng thêm thị trường mới tại các tuyến vận chuyển mới. Các dịch vụ mà Công ty dự kiến đưa ra thị trường gồm:

Công ty dự kiến sẽ đưa thêm 02 tàu cao tốc Superdong VII, Superdong VIII vào Quý 1/2014 và Quý 2/2014.

Công ty dự kiến khai thác thêm thị trường mới bằng cách đưa thêm dịch vụ mới, điển hình như phát triển mô hình phà chuyên chở hành khách và các phương tiện lớn như: xe tải, xe hơi 50 chỗ.

### **6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ**

Chất lượng dịch vụ của Công ty được kiểm soát chặt chẽ bằng các quy trình vận hành tàu cao tốc để đảm bảo tàu khởi hành đúng giờ và đến đích đúng giờ. Ngoài ra, Công ty tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn vận chuyển và chịu sự kiểm tra định kỳ của Cục đăng kiểm Việt Nam.

Kể từ năm khi bắt đầu hoạt động vào năm 2007 đến nay, hoạt động vận chuyển của Công ty không bị sự cố nhỏ nào và cũng chưa hề bị cơ quan quản lý phát hiện ra vi phạm gì về an toàn hoạt động.

### **6.9. Hoạt động Marketing**

Công ty đã xây dựng thương hiệu nhiều năm nay, thương hiệu của Công ty đã được khách hàng nhận biết và tin tưởng. Ngoài ra, Công ty cũng đẩy mạnh việc quảng cáo, chiêu thị nhằm thu hút thêm khách hàng mới. Hiện tại thị phần của Công ty là cao nhất trong những tuyến đường mà Công ty tham gia khai thác.

Trong năm 2013, Công ty đẩy mạnh công tác quảng cáo chiêu thị với tổng chi phí lên tới 3 tỷ 250 triệu đồng, cụ thể:

Chương trình rút thăm trúng thưởng cho hành khách với tổng giá trị các giải thưởng như sau:

Đợt 1: Từ ngày 01/04/2013 – 30/04/2013 với tổng giá trị giải thưởng là 900 triệu đồng.

Đợt 2: Từ ngày 15/05/2013 – 13/06/2013 với tổng giá trị giải thưởng là 900 triệu đồng.

Đợt 3: Từ ngày 23/06/2013 – 14/08/2013 với tổng giá trị giải thưởng là 1 tỷ 450 triệu đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG  
SUPERDONG FAST FERRY - KIEN GIANG JSC

Chương trình được áp dụng từ ngày 25/06 đến ngày 14/08/2013, với mỗi vé tàu tuyến Rạch Giá – Phú Quốc và ngược lại, quý khách có cơ hội trúng các giải thưởng cực kỳ hấp dẫn. Ngày rút thăm: 17/08/2013. Ngày trao giải: 22/08/2013 tại trụ sở chính công ty, số 10, đường 30/4, Kp2, TT Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang. Chi tiết vui lòng liên hệ trực tiếp nhân viên các tàu và phòng vé hoặc tham khảo tại website: <http://superdong.com.vn>

100 giải Tư: 5.000.000VND  
80 giải Ba: 10.000.000VND  
02 giải Nhì: 40.000.000VND  
01 giải Nhất: 70.000.000VND  
Tổng giá trị giải thưởng lên tới 1 tỷ 450 triệu VND  
Đi càng nhiều, cơ hội trúng càng lớn

HỆ VUI RỘN RÀNG CÙNG TÀU CAO TỐC SUPERDONG

Biển quảng cáo giới thiệu chương trình khuyến mại

AN TOÀN ✦ NHANH CHÓNG ✦ ỔN ĐỊNH ✦ CHẤT LƯỢNG VƯỢT TRỘI

LỄ TRAO GIẢI CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MÃI  
“THỬ VẬN MAY CÙNG TÀU SUPERDONG”

CẢM ƠN QUÝ KHÁCH ĐÃ CHỌN TÀU CAO TỐC SUPERDONG

Cử động cho chương trình khuyến mại







Logo Công ty đang đăng ký

**6.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết****a. Hợp đồng đầu ra**

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Thực hiện (năm)
1.	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty cổ phần du lịch Cần Thơ	2013
2.	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty cổ phần du lịch An Giang	2013
3.	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty cổ phần du lịch thương mại Hòa Giang	2013
4.	Hợp đồng nguyên tắc	Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ lữ hành Saigontourist tại Cần Thơ	2013

Công ty ký hợp đồng nguyên tắc với các công ty du lịch. Theo đó, các công ty du lịch sẽ đưa khách du lịch bằng tàu cao tốc của Công ty với giá vé bằng giá niêm yết công khai và các công ty du lịch sẽ được hưởng mức chiết khấu từ Công ty. Tỷ lệ chiết khấu sẽ được Công ty thông báo bằng văn bản cho các công ty du lịch và các văn bản này là một phần của hợp đồng nguyên tắc.

**b. Hợp đồng đầu vào**

Stt	Hợp đồng	Giá trị	Đối tác	Thực hiện (năm)
1.	Mua tàu Superdong I	500.000 USD	Trillion Leader SDN. BHD	2008
2.	Mua tàu Superdong II	1.350.000 USD	Jana Seribu Shipbuilding (M) SDN. BHD	2008
3.	Đóng tàu Superdong III	2.349.175 USD	Tien Grow Industrial SDN. BHD	2010



Stt	Hợp đồng	Giá trị	Đối tác	Thực hiện (năm)
4.	Đóng tàu Superdong IV	2.200.000 USD	Tien Grow Industrial SDN. BHD	2011
5.	Đóng tàu Superdong V	1.650.000 USD	Tien Grow Industrial SDN. BHD	2012
6.	Đóng tàu Superdong VI	1.581.800 USD	Tien Grow Industrial SDN. BHD	2013
7.	Đóng tàu Superdong VII	1.450.000 USD	Tien Grow Industrial SDN. BHD	2014
8.	Đóng tàu Superdong VIII	1.450.000 USD	Tien Grow Industrial SDN. BHD	2014
9.	Hợp đồng nguyên tắc dầu D.O		DNTN Phi Hải	2013
10.	Hợp đồng nguyên tắc dầu D.O		Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK KG – XNKD XD An Bình	2013
11.	Hợp đồng nguyên tắc dầu D.O		Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	2013

## 7. Báo cáo kết quả kinh doanh trong những năm gần nhất

### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong vài năm gần nhất

Đvt: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	150.998.008.061	213.419.414.375	41,34%	267.617.436.815	25,40%
Doanh thu thuần	104.963.708.671	143.554.185.628	36,77%	164.294.098.149	14,45%
Giá vốn hàng bán	58.368.743.225	71.053.994.449	21,73%	95.507.820.278	34,42%
Lợi nhuận gộp	46.594.965.446	72.500.191.179	55,60%	68.786.277.871	-5,12%
Doanh thu hoạt động tài chính	853.991.004	1.210.168.881	41,71%	3.683.477.843	204,38%
Chi phí tài chính	238.529.361	407.563.080	70,86%	296.504.079	-27,25%
Chi phí bán hàng	3.221.787.391	7.893.666.636	45,01%	4.329.676.039	-45,15%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.901.485.669	4.526.516.349	92,35%	8.416.058.529	85,93%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	39.087.154.069	60.882.613.995	55,76%	59.427.517.067	2,39%
Lợi nhuận khác	44.405.837	9.292.235	-79,07%	9.515.518	2,40%

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.131.559.906	60.891.906.230	55,61%	59.437.032.585	2,39%
Chi phí thuế TNDN	122.544.110	2.319.826.830	1.793,05%	3.760.292.132	62,09%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	39.009.015.796	58.572.079.400	50,15%	55.676.740.453	4,94%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	3.446	3.869	12,28%	3.186	-17,65%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và năm 2013)

Tổng giá trị tài sản của Công ty trong năm 2012 tăng 141,34% so với năm 2011 cho thấy quy mô của Công ty tăng đáng kể trong năm 2012. Qua năm 2013 tổng giá trị tài sản tiếp tục tăng vì Công ty có lợi nhuận cao.

Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2012 tăng 136,77% so với năm 2011 cho thấy tình hình kinh doanh của Công ty phát triển rất tốt, thị phần tăng lên rất lớn. Năm 2013 doanh thu thuần tiếp tục tăng vì Công ty đưa thêm tàu Superdong V và Superdong VI vào hoạt động.

Giá vốn hàng bán của Công ty trong năm 2012 tăng 121,73% so với năm 2011, tốc độ tăng của giá vốn hàng bán tăng thấp hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần. Công ty đã quản lý tốt chi phí giá vốn hàng bán làm cho mức tăng chi phí tăng chậm hơn mức tăng doanh thu, đây cũng là phần giúp cho lợi nhuận của Công ty tăng đáng kể trong năm 2012. Qua năm 2013 giá vốn hàng bán tăng mạnh vì năm 2013 tàu Superdong V hoạt động từ tháng 1 và tàu Superdong VI chạy từ tháng 6, dẫn đến chi phí tăng do lương nhân viên tăng, đồng thời lượng khách chưa tăng nhiều nên lượng tiêu hao dầu cho các chuyến tàu tăng cường tăng cao. Bên cạnh đó, những tháng đầu năm Công ty tăng khoản chi phí hoa hồng cho các đại lý vì có sự cạnh tranh với các doanh nghiệp khác, vì vậy tổng giá vốn hàng bán năm 2013 tăng cao.

Lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2012 tăng 155,60% so với năm 2011, lợi nhuận gộp tăng mạnh là do mức tăng giá vốn hàng bán tăng chậm hơn mức tăng doanh thu thuần. Qua năm 2013 lợi nhuận gộp giảm mạnh vì giá vốn hàng bán tăng cao như những nguyên nhân phân tích trên.

Chi phí bán hàng của Công ty trong năm 2012 tăng 245,01% so với năm 2011, tốc độ tăng của chi phí bán hàng quá nhanh so với tốc độ tăng của doanh thu thuần là do trong năm 2012 Công ty tăng cường các hoạt động khuyến mãi chiêu thị để thu hút khách hàng. Tuy nhiên do chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu chi phí nên việc tăng này không tác động mạnh đến lợi nhuận của Công ty. Qua năm 2013 chi phí bán hàng giảm mạnh vì trong năm 2012, khoản chiết khấu hoa hồng

cho đại lý 4.204.341.000 đồng được hạch toán vào chi phí bán hàng theo yêu cầu của Công ty kiểm toán, trong khi năm 2013 chi phí này nằm trong giá vốn hàng bán, vì vậy làm cho chi phí bán hàng năm 2013 giảm mạnh so với 2012.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty ổn định qua các năm 2011 và 2012 do Công ty luôn quan tâm việc cắt giảm chi phí. Năm 2013 chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh vì Công ty thực hiện các chương trình khuyến mãi dành cho khách hàng như bốc thăm trúng thưởng với chi phí lên đến 3.242.104.629 đồng

Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2012 tăng 155,61% so với năm 2011, kết quả kinh doanh của Công ty tăng rất cao trong tình hình kinh doanh khó khăn như hiện nay. Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 59.437.032.585 đồng bằng 97,61% so với năm 2012 vì Công ty đưa thêm tàu Superdong V và Superdong VI vào hoạt động.

## **7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty**

### **Nhân tố bên ngoài:**

Biến động giá dầu: kết quả kinh doanh của Công ty bị tác động trực tiếp bởi giá dầu. Trong năm 2012 giá dầu ít biến động nên chi phí về dầu cũng biến động không đáng kể.

Số lượng hành khách: trong năm 2012 số lượng hành khách tăng 35% so với năm 2011 nên giúp cho doanh thu của Công ty trong năm 2012 tăng mạnh so với năm 2011.

### **Nhân tố bên trong:**

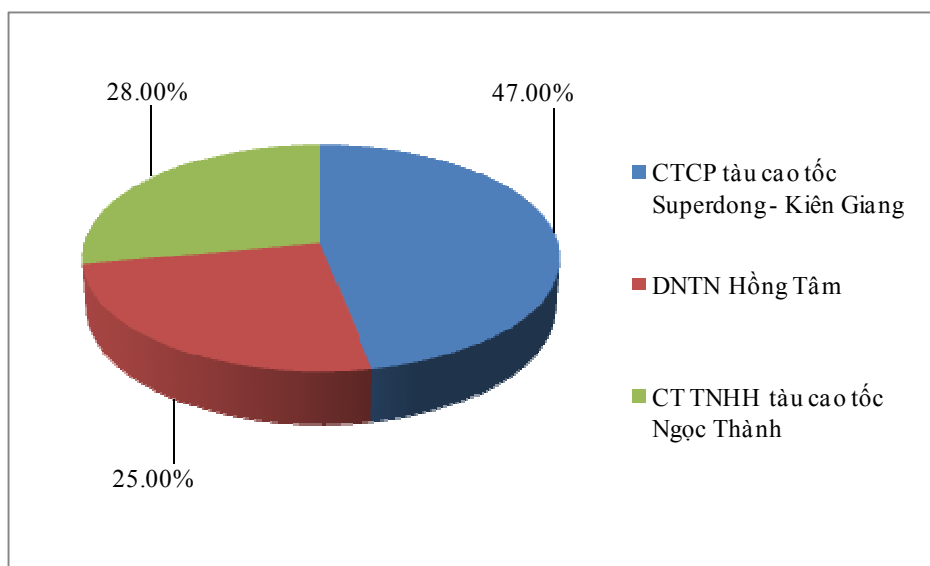
Giá vé: trong năm 2012 Công ty đã tăng giá vé tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá từ tháng 03/2012 nên cũng góp phần làm tăng doanh thu. Trong năm 2012 doanh thu tăng 36,77% so với năm 2011 một phần là do tăng số lượng hành khách và một phần là do tăng giá vé.

## **8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành**

### **8.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Hiện tại Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang hoạt động chuyên chở hành khách theo các tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá và Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên. Trong các tuyến này cũng có vài công ty khác tham gia hoạt động chuyên chở hành khách. Theo ước tính của Công ty, thị phần của các công ty theo từng tuyến vận chuyển như sau:

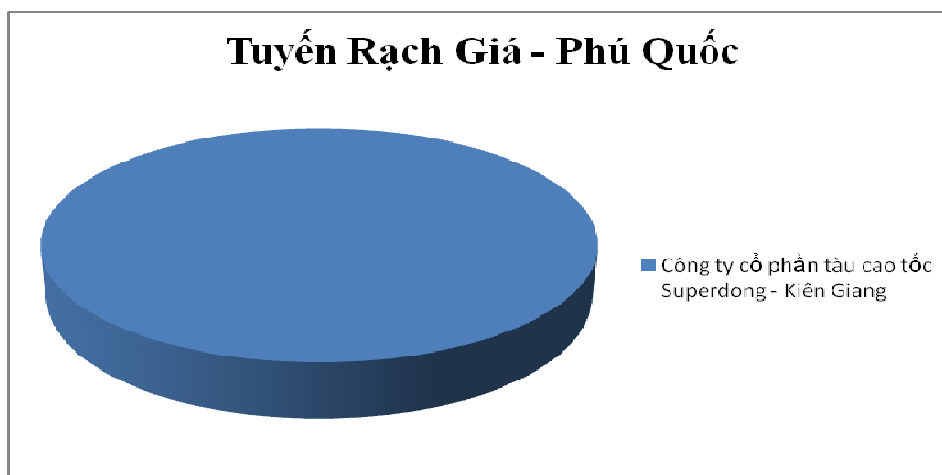
Đối với tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên, Công ty có tàu cao tốc Superdong I và Superdong II tham gia khai thác. Thị phần của các công ty trong tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên được Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang ước tính như sau:



#### *Nguồn Công ty*

Đối với tuyến Hà Tiên – Phú Quốc – Hà Tiên, Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang chiếm thị phần cao nhất vì Công ty sử dụng hai tàu cao tốc một thân chuyên dụng để khai thác tuyến này trong khi các công ty khác chỉ sử dụng một tàu để khai thác.

Đối với tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá, Công ty có các tàu cao tốc Superdong III, Superdong IV, Superdong V, Superdong VI tham gia khai thác. Từ tháng 07/2013 Công ty TNHH thương mại và vận tải Nguyên Hùng và Công ty cổ phần tàu cao tốc Hải Âu tàu Dương Đông Express ngừng hoạt động tại tuyến này nên chỉ còn Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang hoạt động trong tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá.



*Thị phần của Công ty tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc*

Tóm lại, Công ty chiếm thị phần cao nhất trong các tuyến Công ty khai thác là do Công ty đã sử dụng tàu cao tốc phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng biển khai thác nên tàu của Công ty chạy an toàn hơn và tiết kiệm nhiên liệu hơn các loại tàu của công ty khác.

## 8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo Quyết định số 18/2009/QĐ-TTg ngày 03/02/2009 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc Vịnh Thái Lan thời kỳ đến năm 2020 của Thủ Tướng chính phủ:

- **Phạm vi quy hoạch:**

Vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc Vịnh Thái Lan bao gồm vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên Vịnh Thái Lan cùng các hải đảo nằm trên đó và phần đất liền ven biển gồm 02 thành phố: Cà Mau, Rạch Giá; 13 huyện, thị ven biển: U Minh, Trần Văn Thời, Phú Tân, Cái Nước, Năm Căn, Ngọc Hiển (Cà Mau), thị xã Hà Tiên, Kiên Lương, Hòn Đất, Châu Thành, U Minh Thượng, An Biên, An Minh (Kiên Giang) và 02 huyện đảo: Phú Quốc, Kiên Hải (Kiên Giang), có số dân 1.935 nghìn người, chiếm 67,3% số dân của hai Tỉnh Cà Mau và Kiên Giang.

- **Mục tiêu phát triển:**

Phát triển vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc Vịnh Thái Lan thành khu vực kinh tế năng động, góp phần thịnh vượng chung của khu vực biển và ven biển Tây Nam của Tổ quốc, đồng thời kết nối

với các khu vực ven biển khác trong cả nước tạo thành một Vành đai kinh tế dọc ven biển từ Móng Cái đến Hà Tiên phát triển nhanh, thúc đẩy và lôi kéo các khu vực phía trong cùng phát triển.

Hình thành Hành lang kinh tế ven biển Vịnh Thái Lan làm trụ cột thúc đẩy sự phát triển của cả Vùng, tạo tiền đề phát triển giao thương, mở rộng quan hệ với bên ngoài một cách chủ động và có hiệu quả.

Xây dựng đảo Phú Quốc thành khu vực phát triển năng động, một trung tâm kinh tế biển lớn và hiện đại (trước mắt là Khu du lịch sinh thái biển – đảo cao cấp), một "điểm sáng" về kinh tế của cả nước và khu vực Đông Nam Á.

Hình thành và phát triển một số ngành kinh tế biển mũi nhọn gồm: khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, du lịch biển, khai thác và chế biến khí ... có trình độ phát triển tương đối hiện đại ngang tầm với các nước trong khu vực.

Đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao gấp từ 1,35 - 1,4 lần tốc độ tăng trưởng GDP cả nước. Đến năm 2020 nâng mức sống vật chất của nhân dân trong Vùng lên gấp 5 lần hiện nay; đóng góp khoảng 5,0 – 5,5% vào GDP; khoảng 18 – 19% vào sản lượng thủy sản và 22 – 23% vào kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Giảm tỷ lệ đói nghèo (theo chuẩn mới) từ 14% hiện nay xuống dưới 3% năm 2020.

Hoàn thành phổ cập trung học phổ thông trước năm 2020; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 55% – 60% vào năm 2020; hoàn thành chương trình đạt chuẩn quốc gia về y tế trước năm 2015.

Đến năm 2015 có 100% số hộ được sử dụng điện và được xem truyền hình, 100% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- **Phương hướng phát triển du lịch biển:**

Phát triển nhanh và bền vững du lịch biển – đảo và ven biển để trở thành ngành mũi nhọn, đóng góp tích cực vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Vùng. Tổ chức hợp lý không gian du lịch trong toàn Vùng. Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng du lịch và các công trình vui chơi giải trí trên đảo Phú Quốc; phát triển đa dạng các loại hình du lịch, các khu vui chơi, giải trí phức hợp chất lượng cao cả trên biển và trên đảo, sớm xây dựng đảo Phú Quốc thành Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển – đảo cao cấp, hiện đại tầm cỡ khu vực và thế giới. Đẩy mạnh liên kết với các nước quanh Vịnh Thái Lan hình thành các tour du lịch quốc tế, nối du lịch vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc Vịnh Thái Lan nói chung và đảo Phú Quốc nói riêng với các điểm du lịch nổi tiếng trong khu vực, nhất là sau khi tuyến đường xuyên Á phía Nam và Trục kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) – Singapore được hoàn thành.



Xây dựng các cụm du lịch Hà Tiên – Kiên Lương, Năm Căn – Đất Mũi và các tuyến du lịch nội vùng và liên vùng ... để liên kết, phối hợp với du lịch đảo Phú Quốc, tạo sự phát triển nhanh và bền vững trong toàn Vùng. Tiếp tục đầu tư xây dựng đồng bộ và hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng các khu du lịch trọng điểm như Mũi Nai, Hòn Trẹm, Thạch Động, Đông Hồ, Chùa Hang, Khai Long, Đất Mũi ... và các điểm du lịch tại các thành phố Cà Mau, Rạch Giá. Xây dựng nhanh Khu du lịch Hà Tiên gắn với phát triển Khu kinh tế cửa khẩu. Hình thành các tam giác phát triển du lịch Cà Mau – Hà Tiên – Cần Thơ; Rạch Giá – Hà Tiên – Châu Đốc và Rạch Giá – Cà Mau – Phú Quốc để kết nối du lịch vùng ven biển với các vùng nội địa. Gắn phát triển du lịch với bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, bảo vệ môi trường và các hệ sinh thái đặc thù ven biển.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá và xúc tiến du lịch để kêu gọi đầu tư và thu hút du khách. Phân đầu đến năm 2020 đạt trên 3 triệu lượt khách, trong đó có khoảng 1 triệu lượt khách quốc tế; đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 9 – 10%/năm. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh trong những năm tới.

- **Phương hướng phát triển đồng bộ kinh tế hàng hải**

Tận dụng mọi khả năng có thể để phát triển kinh tế hàng hải bao gồm: hệ thống cảng biển, đội tàu, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển, dịch vụ cảng và dịch vụ hàng hải ..., tạo tiền đề để tiến ra biển, đồng thời hỗ trợ, thúc đẩy các ngành khác phát triển.

Phát triển hợp lý hệ thống cảng biển trong Vùng. Nâng cấp, mở rộng cảng Năm Căn (Cà Mau), Hòn Chông (Kiên Giang) đạt công suất từ 700 – 800 nghìn tấn/năm và cảng xi măng Bình Trị đạt từ 1,8 – 2 triệu tấn/năm. Xây dựng mới cảng Bãi Nò (Hà Tiên) quy mô 500 nghìn tấn/năm và cảng chuyên dùng Nam Du cho Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương. Xây dựng đồng bộ các cảng biển tại khu vực Phú Quốc gồm: cảng An Thới (tiếp nhận tàu 3.000 DWT và 1 bến nổi tiếp nhận tàu đến 30.000 DWT); cảng Vịnh Đầm (tiếp nhận tàu 3.000 DWT và tàu khách có sức chở 2.000 hành khách); cảng hành khách Dương Đông, Mũi Đất Đỏ (tiếp nhận tàu có sức chở 2.000 hành khách) và các bến đậu cho tàu du lịch, thuyền buồm ... đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của Đảo. Từng bước xây dựng tại Phú Quốc một Trung tâm cảng biển và dịch vụ hàng hải lớn của khu vực Vịnh Thái Lan.

Xây dựng đội tàu biển có cơ cấu phù hợp, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá và hành khách trong vùng. Đẩy mạnh vận tải ven biển đến các vùng trong cả nước; hình thành các tuyến vận tải biển ra các đảo, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các đảo và đất liền. Phát triển vận tải biển sang Campuchia, Thái Lan, Malaysia. Mở các tuyến vận tải hành khách cao tốc từ Cà Mau, Năm Căn, Rạch Giá, Hà Tiên ... ra Phú Quốc và từ Phú Quốc, Hà Tiên đến các đô thị lớn ven biển của các nước quanh Vịnh Thái Lan để thúc đẩy phát triển du lịch. Xây dựng đồng bộ các cơ sở hạ tầng dịch vụ khác như hệ thống hậu cần dịch vụ cảng, dịch vụ thủy thủ, cung ứng tàu biển, hệ thống thông tin

an toàn hàng hải, hệ thống ra đa kiểm soát và cảnh giới biển, hệ thống đèn biển, phao tiêu, trục vớt cứu hộ ... đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển và an ninh, quốc phòng.

- **Phát triển hợp tác quốc tế về biển**

Trong phát triển du lịch biển và ven biển: tăng cường hợp tác với bên ngoài để phát triển du lịch biển – đảo, nhất là phát triển Khu du lịch sinh thái cao cấp đảo Phú Quốc nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch cao cấp, chất lượng cao trong khu vực Đông Nam Á. Đẩy mạnh hợp tác với các nước quanh Vịnh Thái Lan trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phát triển du lịch. Xây dựng các tuyến du lịch quốc tế giữa các nước và tuyến du lịch vòng quanh Vịnh Thái Lan nối liền các nước trong khu vực.

- **Lộ trình thực hiện quy hoạch**

Giai đoạn 2011 – 2020: tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng trong Vùng; xây dựng xong và đưa vào hoạt động những hạng mục quan trọng của Vùng theo quy hoạch; phát triển Khu hành chính – kinh tế đảo Phú Quốc theo quy hoạch.

- **Các giải pháp thực hiện**

Xây dựng và hoàn thiện khung khổ về cơ chế chính sách.

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của Vùng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Giải pháp về khoa học – công nghệ.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho phát triển.

### **8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành**

Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang chuẩn bị niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, nên Công ty sẽ được so sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty với vài công ty khác có hoạt động gần giống Công ty và cũng đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì Công ty có hoạt động chủ yếu là chuyên chở hành khách đường ven biển tại các tuyến cố định, mà trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh không có công ty nào hoạt động giống



hết như Công ty. Do vậy chúng tôi sẽ so sánh Công ty với các công ty có hoạt động chính là vận tải biển và có vốn điều lệ gần với vốn điều lệ của Công ty.

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Tiêu chí	Công ty	MHC	VNA	VST
1.	Vốn điều lệ	174.748.540.000	135.555.140.000	200.000.000.000	589.993.370.000
2.	Vốn chủ sở hữu	205.832.905.718	95.291.867.446	314.900.777.017	529.195.893.470
3.	Tổng tài sản	213.419.414.375	233.224.765.340	1.311.007.512.189	3.019.134.239.704
4.	Doanh thu thuần	143.554.185.628	119.891.542.807	820.899.220.251	1.513.164.298.851
5.	Giá vốn hàng bán	71.053.994.449	106.063.401.200	763.138.407.480	1.409.643.885.456
6.	Lợi nhuận gộp	72.500.191.179	13.828.141.607	57.760.812.411	10.352.041.339
7.	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	60.882.613.995	-2.954.369.000	-50.862.796.644	-127.310.224.198
8.	Lợi nhuận khác	9.292.235	-346.383.130	22.571.535.570	2.701.285.801
9.	Lợi nhuận trước thuế	60.891.906.230	4.527.109.032	-28.291.261.274	-124.608.938.397
10.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.319.826.830	430.182.899	0	121.788.435
11.	Lợi nhuận sau thuế	58.572.079.400	4.096.926.133	-28.291.261.274	-125.003.214.379
12.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.869	302	-1.415	-2.114
13.	LNST/DTT	40,80%	3,42%	-3,45%	-8,26%

Stt	Tiêu chí	Công ty	MHC	VNA	VST
14.	LNST/VCSH	28,46%	4,30%	-8,98%	-23,62%
15.	LNST/TTS	27,44%	1,76%	-2,16%	-4,14%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 của Công ty và BCTC kiểm toán 2012 của các công ty khác được đăng trên website Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Tổng tài sản của Công ty cao hơn không nhiều so với vốn chủ sở hữu là do Công ty không có nợ vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn từ ngân hàng. Các công ty khác thì tổng tài sản lớn hơn vốn chủ sở hữu rất nhiều vì các công ty khác có số nợ vay ngân hàng lớn. Do đó, Công ty có tổng tài sản nhỏ nhất trong các công ty so sánh.

Doanh thu của Công ty chỉ cao hơn công ty MHC và thấp hơn hai công ty khác do là hai công ty khác có giá trị tổng tài sản lớn hơn Công ty rất nhiều.

Lợi nhuận gộp của Công ty cao nhất và lớn hơn nhiều so với các công ty so sánh chứng tỏ Công ty có mức lợi nhuận biên rất lớn.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty rất cao (hơn 60 tỷ) trong khi tất cả các công ty khác đều bị lỗ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty cao nhất và đạt được con số rất cao (hơn 58 tỷ) trong khi có những công ty khác bị lỗ lớn.

Các chỉ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần, chỉ số ROE, ROA của Công ty rất tốt và cao hơn rất nhiều so với các công ty được so sánh.

#### **8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới**

Theo Quyết định số 18/2009/QĐ-TTg ngày 03/02/2009 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc Vịnh Thái Lan thời kỳ đến năm 2020 của Thủ Tướng chính phủ thì định hướng phát triển của Nhà nước sẽ phát triển về kinh tế, về du lịch và về ngành vận tải biển và ven biển tại khu vực mà Công ty đang hoạt động. Do vậy Công ty đã chọn đúng ngành để phát triển hoạt động kinh doanh và chọn đúng khu vực địa lý để mở rộng hoạt động kinh doanh.

Với định hướng phát triển của Nhà nước, Công ty có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển trong tương lai và hoàn toàn phù hợp với chính sách của Nhà nước.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Công ty có 118 người trong đó có 42 lao động trực tiếp và 76 lao động gián tiếp.

Chỉ tiêu	Tại 21/09/2013	Tỷ lệ
<b>Số lượng cán bộ công nhân viên (người)</b>	<b>118</b>	<b>100,00%</b>
<i>Phân theo trình độ chuyên môn</i>		
Cao đẳng, đại học, trên đại học	44	37,29%
Trung cấp chuyên nghiệp	27	22,88%
Sơ cấp chuyên nghiệp	8	6,78%
Phổ thông và công nhân kỹ thuật	39	33,05%
<i>Phân theo hợp đồng</i>		
Hợp đồng không xác định thời hạn (người)	32	27,12%
Hợp đồng xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm (người)	77	65,26%
Hợp đồng thời vụ (người)	2	1,69%
Hợp đồng thử việc (người)	7	5,93%

(Nguồn: Công ty).

### 9.2. Chính sách đối với người lao động:

#### ▪ Đánh giá chất lượng nguồn lao động

Nguồn nhân lực của Công ty trong thời gian qua đã và đang không ngừng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự trong quá trình phát triển của Công ty. Công ty rất chú trọng đào tạo CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa đào tạo về quản lý, tư vấn, giám sát, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng bổ trợ khác ... nhằm phục vụ và đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công việc ... Do đó, Công ty đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có tuổi đời bình quân trẻ, được đào tạo chính quy, bài bản về các lĩnh vực chuyên môn, có kiến thức về kinh tế thị trường tương đối toàn diện, có khả năng thích nghi nhạy bén với môi trường kinh doanh

hiện đại và mang tính hội nhập cao.

- **Thời gian làm việc**

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày và không vượt quá 48 giờ một tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, nhân viên của Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng.

- **Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết**

Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ luật Lao động, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo số tháng thực tế làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép theo quy định của Luật Lao động.

Công ty thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo luật và quy định Bảo hiểm xã hội.

- **Điều kiện làm việc**

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho CBCNV như 3 bộ đồng phục /năm/nhân viên, được đào tạo về an toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và các điều kiện an toàn khác. Hàng năm, Công ty áp dụng chế độ định kỳ khám kiểm tra sức khỏe tổng hợp cho toàn thể nhân viên.

- **Đào tạo**

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành và nâng cao phù hợp với trình độ, năng lực, vị trí công tác hiện tại, định hướng phát triển tương lai của Công ty và CBCNV, đảm bảo CBCNV có trình độ chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm và kỹ năng tốt đáp ứng yêu cầu công việc, phù hợp với hoạt động của Công ty và khả năng phát triển của bản thân nhân viên.

- **Chính sách lương**

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người.

- **Chính sách thưởng**

Nhằm khuyến khích động viên nhân viên gia tăng hiệu quả làm việc và đóng góp cho sự phát triển của Công ty, Công ty có chính sách thưởng định kỳ cho các cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung của Công ty hàng năm. Cụ thể là thưởng cuối năm, thưởng trong các dịp như: Tết Dương lịch, ngày 08/03, Giỗ tổ Hùng Vương, ngày 30/4 – 01/05, ngày 02/09.

### ▪ **Bảo hiểm và phúc lợi**

*Bảo hiểm:* Người lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 3 tháng trở lên đều được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng theo quy định.

### ▪ **Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên**

Mọi cá nhân trong Công ty nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật lao động, thuế, các nội quy, quy chế, thỏa ước đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

## **10. Chính sách cổ tức**

Cổ tức sẽ được chia cho các cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ thuế, mức cổ tức chia cho cổ đông sẽ được ĐHĐCĐ quyết định và phù hợp với các quy định hiện hành, cụ thể cổ tức năm 2011 là 26,25% bằng cổ phiếu và năm 2012 là 40,65% bằng cổ phiếu.

## **11. Tình hình hoạt động tài chính**

### **11.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

#### ▪ **Trích khấu hao TSCĐ:**

Tài sản cố định trên Bảng cân đối tài sản được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao theo khung thời gian qui định tại Quyết định 203/2009/BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản như sau:

Stt	Loại tài sản	Thời gian
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
2.	Máy móc thiết bị	03 năm
3.	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15 năm
4.	Trang thiết bị văn phòng	03 – 05 năm

(Nguồn: báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013)

#### ▪ **Mức lương bình quân**

Lương nhân viên bình quân của người lao động trong Công ty trong năm 2012 là 8,57 triệu đồng/tháng/người. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo hiểm, các khoản lương, thưởng, phụ cấp.

#### ▪ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ vay, cũng như nợ của khách hàng.

▪ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước.

▪ **Trích lập các quỹ theo luật định:**

Số dư các loại quỹ tại từng thời điểm như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2011 (VNĐ)	31/12/2012 (VNĐ)	31/12/2013 (VNĐ)
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	0
Quỹ dự phòng tài chính	0	0	0
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013).

▪ **Tổng dư nợ vay:**

- Nợ vay ngắn hạn:

Trong năm 2011, 2012 và năm 2013 không có khoản vay ngắn hạn ngân hàng.

- Nợ vay dài hạn:

Trong năm 2011, 2012 và năm 2013 không có khoản vay dài hạn ngân hàng.

## 11.2. Tình hình công nợ hiện nay

• **Các khoản phải thu của Công ty**

*Đvt: VNĐ*

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>7.783.297.981</b>	<b>13.900.371.000</b>	<b>38.705.152.567</b>
Phải thu của khách hàng	1.344.840.010	2.139.712.035	1.711.301.567
Trả trước cho người bán	6.431.309.400	11.143.756.856	36.993.851.000
Các khoản phải thu khác	7.148.481	616.902.109	0
<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>7.783.297.981</b>	<b>13.900.371.000</b>	<b>38.705.152.567</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, 2012 và 2013).

### Chi tiết khoản phải thu của khách hàng

Khoản phải thu tại 31/12/2013 là 1.711.301.567 đồng, trong đó:





Phải thu từ đại lý Thành Đạt: 117.110.001 đồng.

Phải thu từ đại lý Vân (cơm chay): 129.795.001 đồng.

Phải thu từ Mekong tour: 74.839.000 đồng.

Phải thu từ đại lý Thúy: 79.440.000 đồng.

Phải thu từ đại lý Thảo My: 91.635.000 đồng.

Phải thu từ Lâm Văn Phước: 75.007.000 đồng.

Phải thu từ đại lý Bé: 56.360.000 đồng.

Phải thu từ đại lý Tuấn John: 54.015.000 đồng.

Phải thu từ các khách hàng khác: 1.033.100.565 đồng.

#### **Chi tiết khoản trả trước cho người bán**

Khoản trả trước cho người bán tại 31/12/2013 là 36.993.851.000 đồng, trong đó:

Tien Grow Industrial SDN. BHD: 36.827.680.000 đồng.

Công ty TNHH tư vấn thiết kế tàu thủy: 72.000.000 đồng.

Võ Thành Sơn (làm quầy vé Phú Quốc): 50.071.000 đồng.

Nhà cung cấp khác: 44.100.000 đồng.

#### **Chi tiết hàng tồn kho**

Hàng tồn kho tại 31/12/2013 là 5.822.519.615 đồng, bao gồm gần 400 mặt hàng, trong đó có nguyên vật liệu như dầu DO, sơn và các trang thiết bị có giá nhỏ dùng thay thế các bộ phận lật vật cho tàu cao tốc khi cần thiết. Các mặt hàng tồn kho này có giá trị nhỏ, mặt hàng tồn kho có giá trị lớn nhất là 266.003.677 đồng và giá trị nhỏ nhất là 16.520 đồng.

- **Các khoản phải trả của Công ty**

*Đvt: VNĐ*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>3.736.962.686</b>	<b>7.586.508.657</b>	<b>6.107.790.644</b>
Vay và nợ ngắn hạn	0	0	0
Phải trả cho người bán	717.339.999	1.695.848.880	1.161.016.679
Người mua trả tiền trước	569.628.501	303.487.982	378.116.463
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.958.173.274	2.956.441.557	1.881.730.740
Phải trả người lao động	0	1.847.656.423	2.409.428.000



Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	491.802.912	783.073.815	277.498.762
Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	0
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.736.962.686</b>	<b>7.586.508.657</b>	<b>6.107.790.644</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, 2012 và 2013).

### Chi tiết khoản phải trả cho người bán

Phải trả cho người bán tại 31/12/2013 là 1.161.016.679 đồng, trong đó:

DNTN xăng dầu Phi Hải: 619.300.000 đồng.

Công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang: 332.250.000 đồng.

Ban quản lý bến cảng Phú Quốc: 58.969.999 đồng.

CTCP TM hàng không miền nam SATCO: 52.000.000 đồng.

Công ty TNHH sản xuất thương mại Ngôi sao trẻ: 25.872.000 đồng.

Nhà cung cấp khác: 72.624.680 đồng.

### Chi tiết khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 31/12/2013 là 1.881.730.740 đồng, trong đó:

Thuế giá trị gia tăng phải nộp: 769.877.646 đồng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: 992.217.849 đồng.

Thuế thu nhập cá nhân: 119.635.245 đồng.

### 11.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Các chỉ tiêu	2011	2012	2013
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
	TSLĐ / Nợ ngắn hạn (lần)	5,67	7,84	15,26
	Hệ số thanh toán nhanh:			
	(TSLĐ – Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn (lần)	4,40	7,18	14,31
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số Nợ / Tổng tài sản (lần)	0,02	0,04	0,02

Stt	Các chỉ tiêu	2011	2012	2013
	Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu (lần)	0,03	0,04	0,02
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân (lần)	12,30	14,64	17,73
	Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,70	0,67	0,61
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (%)	37,16	40,80	33,89%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)	26,49	28,46	21,29%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (%)	25,83	27,44	20,80%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần (%)	37,24	42,41	36,17%
<b>5</b>	<b>Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần</b>			
	Thu nhập / cổ phần lưu hành bình quân	3.446	3.869	3.186

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và năm 2013.

Hệ số thanh toán ngắn hạn lần lượt là 5,67 lần trong năm 2011, 7,84 lần trong năm 2012 và 15,26 lần trong năm 2013 của Công ty là cực tốt (lớn hơn 1 lần). Hệ số thanh toán nhanh là 4,40 lần trong năm 2011, 7,18 lần trong năm 2012 và 14,31 lần năm 2013 là cực tốt (lớn hơn 1 lần). Thực tế là Công ty không có món vay ngân hàng ngắn hạn hoặc dài hạn nên Công ty không bị áp lực trả nợ vay ngân hàng.

Hệ số nợ trên tổng tài sản lần lượt là 0,02 lần trong năm 2011, 0,04 lần trong năm 2012 và 0,02 năm 2013 của Công ty là cực thấp. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 0,03 lần trong năm 2011 và 0,04 lần trong năm 2012 và 0,02 lần trong năm 2013 của Công ty là cực thấp. Chỉ số này của Công ty cực tốt vì Công ty không có khoản vay nợ ngân hàng ngắn hạn hoặc dài hạn nên Công ty không bị áp lực trả nợ vay ngân hàng.

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho lần lượt là 12,30 lần năm 2011, 14,64 lần trong năm 2012 và 17,73 lần trong năm 2013 của Công ty là rất cao vì do đặc thù ngành kinh doanh của Công ty chỉ cần dự trữ trong kho một ít nguyên vật liệu nên vòng quay hàng tồn kho của Công ty luôn ở mức cao.

Doanh thu thuần trên tổng tài sản lần lượt là 0,70 lần trong năm 2011, 0,67 lần trong năm 2012 và 0,61 lần trong năm 2013. Chỉ số này của Công ty không được cao lắm vì do đặc thù ngành kinh doanh của Công ty là phải đầu tư rất lớn vào đội tàu cao tốc làm phương tiện vận chuyển nên tài sản của Công ty rất lớn.



Các chỉ tiêu sinh lợi của Công ty trong năm 2011, năm 2012 và năm 2013 là rất cao và đặc biệt là lợi nhuận của Công ty trong năm 2012 tăng mạnh lên đến 150,15% so với năm 2011.

## 12. DANH SÁCH VÀ SƠ YẾU LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG.

### 12.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch HĐQT

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/hộ chiếu
Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	12/09/1981	023469184 ngày cấp 04/04/2012, nơi cấp CA TP. HCM
Quách Hồng	Thành viên HĐQT	22/06/1960	020661672 ngày cấp 07/02/2012, nơi cấp CA Tp. HCM
Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT	20/06/1969	024159125 ngày cấp 03/04/2007, nơi cấp CA Tp. HCM
Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT	12/03/1957	020125108 ngày cấp 14/01/2010, nơi cấp CA TP. HCM
Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	15/05/1970	320865078 ngày cấp 26/04/2006, nơi cấp CA Tỉnh Bến Tre
Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	14/06/1965	K24554905 ngày cấp 11/07/2011, nơi cấp Sibú, Malaysia
Ting Chek Hua	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	14/07/1965	K24041119 ngày cấp 02/03/2011, nơi cấp Sibú, Malaysia
Puan Chiong	Thành viên HĐQT	09/05/1964	K26082820 ngày cấp 21/03/2012, nơi cấp Sibú, Malaysia

#### 12.1.1. Bà Hà Nguyệt Nhi – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên

**HÀ NGUYỆT NHI**

Giới tính

Nữ



Ngày tháng năm sinh	12/09/1981
Nơi sinh	TP. HCM
CMND	023469184 ngày cấp 04/04/2012 nơi cấp CA TP. HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Hoa
Quê quán	Quảng Đông
Địa chỉ thường trú	343/29 Vĩnh Viễn, Phường 05, Quận 10, TP. HCM
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	08. 38688272
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Lập trình viên chuyên nghiệp hệ trung cấp do trường Đại học khoa học tự nhiên cấp ngày 01/10/2002. Kế toán doanh nghiệp thực hành do Viện quản trị doanh nghiệp cấp ngày 14/02/2004.
Quá trình công tác	
+ Từ 2003 – 2007	Nhân viên Công ty TNHH Tàu Cao Tốc Kiên Giang
+ Từ 2008 – 2009	Phó Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
+ Từ 2010 – 2011	Trợ lý Giám đốc Công ty Cổ Phần Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
+ Từ 04/2011 đến 10/04/2014	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
+ Từ 2012 đến 10/04/2014	Giám đốc Hành Chính – Nhân sự
+ Từ 10/04/2014 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không



Số cổ phần sở hữu	1.363.660 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	Không
+ Cá nhân sở hữu	1.363.660 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thường niên thông qua
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	
Người liên quan	<ol style="list-style-type: none"><li>Mẹ: Vương Lục Muội sở hữu 101 cổ phần của Công ty.</li><li>Anh trai: Hà Vĩ Bân sở hữu 9.721 cổ phần của Công ty.</li></ol>
Tổ chức có liên quan	Không

#### 12.1.2. Ông Lê Vũ Nam – Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên	<b>LÊ VŨ NAM</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/06/1969
Nơi sinh	Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
CMND	024159125 ngày cấp 03/04/2007 nơi cấp CA TP. HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh



Quê quán	Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Địa chỉ thường trú	9/1, Đường Phan Tôn, Phường Đakao, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	0838.666.333
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	PGS.TS. Luật Kinh tế
Quá trình công tác	
+ Từ 2000 – 2006:	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (Nay là SGDCK TP. HCM)
+ Từ 2006 - 2010:	Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia TP. HCM
+ Từ 2008 – nay:	Công ty cổ phần tập đoàn Hoa Sen (HOASENGROUP)
+ Từ 2010 – nay:	Trường Đại học Kinh tế – Luật, Đại học Quốc gia TP. HCM
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trưởng Ban kiểm soát HOASENGROUP.
Số cổ phần sở hữu	Không
+ Đại diện sở hữu	Không
+ Cá nhân sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao của HĐQT được ĐHCĐ thường niên thông qua
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết

Người có liên quan Không

Tổ chức có liên quan Không

### 12.1.3. Bà Quách Hồng – Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên **QUÁCH HỒNG**

Giới tính Nữ

Ngày tháng năm sinh 22/06/1960

Nơi sinh Quận 5, Tp. HCM

CMND 020661672 ngày cấp 07/02/2012 nơi cấp CA Tp. HCM

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Hoa

Quê quán Tp. HCM

Địa chỉ thường trú 343/28 Vĩnh Viễn, Phường 05, Quận 10, Tp. HCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan 08. 38 666 333

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn

- Có kinh nghiệm nhiều năm về quản trị và điều hành doanh nghiệp;
- Quản trị Doanh nghiệp cao cấp do Viện Quản trị Doanh nghiệp cấp ngày 20/04/1998;
- Đắc nhân tâm trong lãnh đạo hiện đại do Trường Doanh nhân Đắc nhân tâm — Dale Carnegie Vietnam cấp ngày 20/11/2009.

Quá trình công tác

+ Từ 1987 – 1993 Kinh doanh





+ Từ 1994 – 1996	Mở cơ sở may mặc xuất khẩu
+ Từ 1997 – 2001	Tổng vụ Công ty cổ phần Shingmaou Paint
+ Từ 2002 – 2007	Giám đốc Công ty TNHH tàu cao tốc Kiên Giang
+ Từ 2007 – 2009	Giám đốc Công ty TNHH tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
+ Từ 08/2008 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH Đại Dương Xanh
+ Từ 03/06/2011 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH Quang Phương Thịnh
+ Từ 2010 đến 10/04/2014	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
+ Từ 10/04/2014 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc: <ul style="list-style-type: none"><li>- Công ty TNHH Đại Dương Xanh</li><li>- Công ty TNHH Quang Phương Thịnh</li></ul>
Số cổ phần sở hữu	1.373.018 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	Không
+ Cá nhân sở hữu	1.373.018 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao của HĐQT được ĐHCĐ thường niên thông qua
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	



Người liên quan	Chồng: Tăng Quảng sở hữu 858.141 cổ phần của Công ty
Tổ chức có liên quan	Không

**12.1.4. Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ – Thành viên Hội Đồng Quản Trị**

Họ và tên	<b>NGUYỄN THỊ HOA LỆ</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	12/03/1957
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CMND	020125108 ngày cấp 14/01/2010 nơi cấp CA TP. HCM
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	28A Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại cơ quan	08.39304078
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Sử. Cử nhân ngoại ngữ. Cao cấp chính trị. Quản lý kinh tế.
Quá trình công tác	
+ Từ sau giải phóng 1975 – 1987	Công tác tại Sở Văn Hóa Thông Tin TP. HCM
+ Từ 1988 – 2012	Phó Chủ Tịch Hiệp Hội Du Lịch Việt Nam. Phó Chủ Tịch Hiệp Hội Du Lịch TP. HCM.



	Ủy viên thường vụ Hiệp Hội Công Thương TP. HCM.
	Ủy viên Ban Chấp Hành, Ủy viên đoàn chủ tịch trung ương Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam khóa 7, 8, 9, 10, 11.
	Giám Đốc Công ty Du Lịch Hòa Bình.
Từ 1997 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH LD Lữ Hành Quốc Tế Hòa Bình
Từ 2004 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du Lịch Thương Mại Hòa Giang
Từ 2008 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa Ốc Hòa Bình
Từ 2011 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hòa Bình – Phú Quốc
Từ 2012 đến nay	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Du Lịch Hòa Bình Việt Nam. Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Du Lịch Hòa Bình Việt Nam Chủ tịch HĐQT Cty TNHH LD Lữ Hành Quốc Tế Hòa Bình Chủ tịch HĐQT: <ul style="list-style-type: none"><li>- Công ty CP Địa Ốc Hòa Bình;</li><li>- Cty CP Du Lịch Thương Mại Hòa Giang;</li><li>- Cty CP Hòa Bình – Phú Quốc.</li></ul>
Số cổ phần đang nắm giữ	858.131 cổ phần
+ Đại diện cho Công ty Cổ Phần Du Lịch Hòa Bình Việt Nam sở hữu	685.293 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	172.838 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không



Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao của HĐQT được ĐHCĐ thường niên thông qua
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

**12.1.5. Bà Đặng Thị Ngọc Bích – Thành viên Hội Đồng Quản Trị**

Họ và tên	<b>ĐẶNG THỊ NGỌC BÍCH</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	15/05/1970
Nơi sinh	Bến Tre
CMND	320865078 ngày cấp 26/04/2006 nơi cấp CA Tỉnh Bến Tre
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	187/3 Nguyễn Huệ, Phường 04, TP. Bến Tre, Bến Tre
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	0773 877 742
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Có kinh nghiệm nhiều năm trong việc điều hành phòng kinh doanh
Quá trình công tác	
+ Từ 1995 – 2002	Nhân viên Công ty TNHH SX – DV – TM Ngọc Ánh
+ Từ 2003 – 2007	Nhân viên Kinh doanh Công ty TNHH Tàu Cao Tốc Kiên Giang
+ Từ 2008 – 2009	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang



+ Từ 2010 – 09/2013	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ Phần Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
+ Từ 09/2013 đến nay	Trợ lý Tổng Giám đốc
+ Từ 2011 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	- Thành viên Hội đồng quản trị. - Trợ lý Tổng Giám đốc.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	9.721 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	Không
+ Cá nhân sở hữu	9.721 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao của HĐQT được ĐHCĐ thường niên thông qua
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	
Người liên quan	Em: Huỳnh Đặng Ngọc Tâm sở hữu 101 cổ phần của Công ty
Tổ chức có liên quan	Không

#### **12.1.6. Ông Puan Kwong Siing – Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng giám đốc**

Họ và tên	<b>PUAN KWONG SIING</b>
Giới tính	Nam



Ngày tháng năm	14/06/1965
Nơi sinh	Sarawak, Malaysia
Hộ chiếu	K24554905 ngày cấp 11/07/2011 nơi cấp Sibul, Malaysia
Quốc tịch	Malaysian
Dân tộc	Hoa
Quê quán	Malaysia
Địa chỉ thường trú	15A, Jalan Jerrwit, 96000 Sibul, Sarawak, Malaysia
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	006084332531
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Có kinh nghiệm nhiều năm về quản trị và điều hành doanh nghiệp
Quá trình công tác	
+ Từ 1987 – 1989	Thủy thủ Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN. BHD
+ Từ 1989 – 1994	Nhân viên văn phòng Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN. BHD
+ Từ 1994 – 1999	Giám sát viên Công ty Jana Seribu Shipbuilding SDN. BHD
+ Từ 1990 đến nay	Giám đốc Công ty Trillion Leader SDN. BHD. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Sin Hwa Hin Enterprise SDN. BHD.
+ Từ 2004 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty – Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD.



	– Trillion Leader SDN. BHD.
+ Từ 2008 – 2009	Cố vấn Công ty TNHH tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
+ Từ 2010 – đến nay	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang;</li><li>- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang;</li><li>- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Ấn Biên.</li></ul>
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thành viên Hội đồng quản trị.</li><li>- Tổng Giám đốc.</li></ul>
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	<p>Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trillion Leader SDN. BHD.</li></ul> <p>Thành viên Hội đồng quản trị công ty</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD.</li><li>- Sin Hwa Hin Enterprise SDN. BHD.</li></ul> <p>Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Ấn Biên.</p>
Số cổ phần sở hữu	3.927.800 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	Không
+ Cá nhân sở hữu	3.927.800 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao của HĐQT được ĐHCĐ thường niên thông qua
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không



Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết

Người liên quan	1. Anh trai: PUAN KIONG SII sở hữu 600,700 cổ phần của Công ty. 2. Anh trai: PUAN CHIONG sở hữu 858,143 cổ phần của Công ty.
Tổ chức có liên quan	Không

### **12.1.7. Ông Ting Chek Hua – Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc**

Họ và tên	<b>TING CHEK HUA</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/07/1965
Nơi sinh	Sarawak, Malaysia
Hộ chiếu	K24041119 ngày cấp 02/03/2011 nơi cấp Sibú, Malaysia
Quốc tịch	Malaysian
Dân tộc	Hoa
Quê quán	Malaysia
Địa chỉ thường trú	12B, Persiaran Brooke 21, Sibú 96000, Sarawak, Malaysia
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	006-084-332531
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Khoa học (Chuyên ngành kế toán và máy tính) do Trường La Trobe University, Victoria, Australia cấp năm 1990





Quá trình công tác	
+ Từ 1991 – 1992	Nhân viên Ngân hàng Hock Hua Bank Bhd.
+ Từ 1992 – 1998	Môi giới cho Sarawak Securities SDN. BHD
+ Từ 1999 – 2002	Thương nhân
+ Từ 22/06/2002 – hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Trillion Leader SDN. BHD
+ Từ 2010 – hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	- Thành viên Hội đồng quản trị. - Phó Tổng Giám đốc.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Trillion Leader SDN. BHD
Số cổ phần sở hữu	1.157.008 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	Không
+ Cá nhân sở hữu	1.157.008 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao của HĐQT được ĐHCĐ thường niên thông qua
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	
Người liên quan	Vợ Nguyễn Thị Thiên Hương sở hữu 1.998.446 cổ





	Enterprise SDN. BHD
+ Từ 2007 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD
+ Từ 2009 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Tien Grow Industrial SDN. BHD
+ Từ 2010 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
+ Từ 2011 – nay	Tổng Giám đốc Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Sin Hwa Hin Enterprise SDN. BHD. - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD. - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Tien Grow Industrial SDN. BHD.
Số cổ phần sở hữu	858.143 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	Không
+ Cá nhân sở hữu	858.143 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thường niên thông qua





Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Lương Quới, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre
Địa chỉ thường trú	39/20D Phú Thọ, Phường 1, Quận 11, Tp. HCM
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	62.93.38.30 – 0918.17.33.68
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	- Cử nhân Kinh tế – Chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp; - Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán trưởng.
Quá trình công tác	
+ Từ 2002 – 2002	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Chihsin Industrial Việt Nam, Lô 45-47-49 Đường 2 – KCN Tân Tạo – Huyện Bình Chánh – Tp. HCM
+ Từ 2003 – 2005	Kế toán trưởng Công ty TNHH Công nghiệp U-Ton Việt Nam, Đường 5 – KCN Đồng An – Huyện Thuận An – Tỉnh Bình Dương
+ Từ 2006 – 2008	Kế toán trưởng Công ty TNHH Công nghiệp ZuHow Việt Nam, K2B Đường 2A – KCN Lê Minh Xuân – Huyện Bình Chánh – Tp. HCM
+ Từ 2009 – 2011	Giám đốc điều hành Công ty TNHH Đăng Trường, 28–30 Nguyễn Cư Trinh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. HCM
+ Từ 2012 – hiện nay	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương Mại Trường Lợi, 39/20D Phú Thọ, Phường 1, Quận 11, Tp. HCM
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH



	Thương Mại Trường Lợi
Số cổ phần sở hữu	Không
+ Đại diện sở hữu	Không
+ Cá nhân sở hữu	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao của BKS được ĐHĐCĐ thường niên thông qua
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	
Người liên quan	Không
Tổ chức có liên quan	Không

#### 12.2.2. Ông Lượng Văn Hồng – Thành viên Ban Kiểm Soát

Họ và tên	<b>LƯỢNG VĂN HỒNG</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	31/12/1971
Nơi sinh	Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp
CMND	025699563 ngày cấp 27/11/2012 nơi cấp CA Tp.HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh



Quê quán	Xã Long Hưng A, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp
Địa chỉ thường trú	38/14/34 Khu phố 4, Đường Dương Bá Cung, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, Tp. HCM
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	0903356670
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Luật sư
Quá trình công tác	
+ Từ 1997 – 2007	Chuyên viên tư vấn pháp luật của Tổng đài 1088 trực thuộc Bưu điện Tp. HCM
+ Từ 2007 – đến nay	Luật sư của Văn phòng Luật sư Linh Đan, 399/11 Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 3 TP.HCM.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	2001 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	Không
+ Cá nhân sở hữu	2001 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao của BKS được ĐHCĐ thường niên thông qua
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không



Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết

Người liên quan	Vợ Trương Thị Kim Oanh nắm giữ 101 cổ phần của Công ty
Tổ chức liên quan	Không

### **12.2.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung – Thành viên Ban Kiểm Soát**

Họ và tên	<b>NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/04/1986
Nơi sinh	Uông Bí, Quảng Ninh
CMND	100896733 ngày cấp 22/04/2003 nơi cấp CA Quảng Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Chí Linh, Sao Đỏ, Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Tổ 20, Khu 3, Trung Vương, Uông Bí, Quảng Ninh
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	08.38688273
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật Kinh doanh
Quá trình công tác	
+ Từ 2010 – hiện nay	Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	101 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	Không
+ Cá nhân sở hữu	101 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Hưởng thù lao của BKS được ĐHCĐ thường niên thông qua
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	
Người liên quan	Không
Tổ chức liên quan	Không

### 12.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/hộ chiếu
Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	14/06/1965	K24554905 ngày cấp 11/07/2011, nơi cấp Sibul, Malaysia
Ting Chek Hua	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	14/07/1965	K24041119 ngày cấp 02/03/2011, nơi cấp Sibul, Malaysia
Luu Hải Anh	Kế toán trưởng	17/06/1975	022932134 ngày cấp 28/02/2006 nơi cấp CA Tp. HCM

12.3.1. Ông Puan Kwong Siing – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc (xem mục 12.1.6)

12.3.2. Ông Ting Chek Hua – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc (xem mục 12.1.7)

**12.3.3. Bà Lưu Hải Anh – Kế toán trưởng**

Họ và tên	<b>LƯU HẢI ANH</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	17/06/1975
Nơi sinh	Vĩnh Phúc
CMND	022932134 ngày cấp 28/02/2006 nơi cấp CA Tp. HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	22 Hoàng Hoa Thám, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. HCM
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	08.38 688 273
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán – Tài Chính
Quá trình công tác	
+ Từ 1997 – 1998	Công ty TNHH Hoàng Phương
+ Từ 1998 – 2005	Công ty TNHH Hợp Phước
+ Từ 2006 – 2007	Công ty cổ phần Saigonpart
+ Từ 2008 – 2009	Công ty cổ phần Emteck
+ Từ 2010 – nay	Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang



Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	4.631 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	0
+ Cá nhân sở hữu	4.631 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	
Người có liên quan	Chồng Trần Thái Quang sở hữu 101 cổ phần. Em gái Lưu Hải Giang sở hữu 101 cổ phần.
Tổ chức có liên quan	Không

### 13. Tài sản

#### 13.1. Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán tại 31/12/2013

*Đvt: VNĐ*

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>209.652.343.687</b>	<b>41.128.729.389</b>	<b>168.523.614.298</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	863.625.100	170.287.372	693.337.728
2	Máy móc thiết bị	0	0	0
3	Phương tiện vận chuyển	208.618.409.730	40.803.162.531	167.815.247.199

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	53.560.000	44.633.383	8.926.617
5	TSCĐ hữu hình khác	116.748.857	110.646.103	6.102.754
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>4.743.637.481</b>	<b>173.080.363</b>	<b>4.570.557.118</b>
1	Quyền sử dụng đất	4.508.093.000	0	4.508.093.000
2	Phần mềm máy tính	144.635.390	82.171.272	62.464.118
3	TSCĐ vô hình khác	90.909.091	90.909.091	0
	<b>Cộng</b>	<b>214.395.981.168</b>	<b>41.301.809.752</b>	<b>173.094.171.416</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013).

### 13.2. Tình hình quản lý, sử dụng đất và tài sản có giá trị lớn tại thời điểm 31/12/2013

Stt	Bất động sản	Vị trí	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giấy chứng nhận
1.	Văn phòng Rạch Giá	Số 14 Đường Tự Do, Phường Vĩnh Thanh, Thị xã Rạch Giá	55,07	Giấy chứng nhận số 5301023493 cấp ngày: 01/11/2004, sửa đổi lần 3 ngày 08/10/2012, Chứng thư thẩm định số: 011/09/TS/SCRV ngày 13/11/2009
2.	Đất	Khu phố 1 Dương Đông	66,43	Giấy chứng nhận số Y851216 cấp ngày 09/12/2003, sửa đổi lần 4 ngày 08/10/2012, Chứng thư thẩm định số: 011/09/TS/SCRV ngày 13/11/2009
3.	Văn phòng	Số 1F Nguyễn Huỳnh Đức, Phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	198,8	Giấy chứng nhận số AG214040 cấp ngày 04/12/2006, sửa đổi lần 2 ngày 08/10/2012, Chứng thư thẩm định số: 011/09/TS/SCRV ngày 13/11/2009



	Tài sản khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Chứng từ
4.	Tàu Superdong I	10.623.513.024	4.979.830.207	Chứng thư thẩm định số: 011/09/TS/SCRV ngày 13/11/2009
5.	Tàu Superdong II	39.979.254.972	25.889.888.465	Chứng thư thẩm định số: 011/09/TS/SCRV ngày 13/11/2009
6.	Tàu Superdong III	44.054.363.242	33.830.277.127	Tờ khai số 01/NK/ĐT/C53H ngày 03/07/2010
7.	Tàu Superdong IV	45.837.600.000	38.457.366.173	Tờ khai số 01/NK/ĐT/C53H ngày 18/07/2011
8.	Tàu Superdong V	34.778.595.000	32.460.022.008	Tờ khai số 01/NK/NDT/C53H ngày 31/12/2012
9.	Tàu Superdong VI	33.308.134.400	32.197.863.248	Tờ khai số 01/NK/NDT/C53H ngày 25/05/2013

(Nguồn: Công ty)

#### 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

##### 14.1. Tầm nhìn chiến lược

- Tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu về vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc trong địa bàn Tỉnh Kiên Giang.
- Tìm cơ hội mở rộng hoạt động qua các Tỉnh khác và cũng duy trì vị trí đứng đầu về vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc tại Việt Nam.
- Trong tương lai sẽ trang bị tàu cao tốc lớn hơn để đáp ứng nhu cầu vận tải phương tiện vận chuyển, hàng hóa và hành khách cùng lúc.
- Năm 2014 – 2015, Công ty sẽ thực hiện kế hoạch phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, cụ thể:
  - Giữ vững phương châm hoạt động là: An toàn – Tiện lợi – Thoải mái – Giá tốt. Về tiêu chí an toàn, Công ty sẽ đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại về an toàn hàng hải. Về tiêu chí tiện lợi. Công ty sẽ hợp tác với các đối tác có tiềm lực để mang lại nhiều tiện ích hơn nữa cho khách hàng như: hợp tác

với các hãng vận tải đường bộ để khách hàng có thể mua vé tàu, vé xe tại cùng một điểm. Về tiêu chí thoải mái, Công ty sẽ thường xuyên bảo dưỡng ghế ngồi, hệ thống âm thanh, cập nhật và thường xuyên thay đổi các tiết mục giải trí trên tàu, tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng dịch vụ. Về tiêu chí giá tốt, Công ty sẽ áp dụng chặt chẽ chính sách một giá, không tăng giá vào các ngày cuối tuần, lễ, tết và giá vé của các tàu cao tốc Superdong sẽ là mức giá hợp lý nhất, cạnh tranh nhất.

- Tăng số lượng tàu khai thác từ 6 tàu cao tốc lên thành 8 tàu cao tốc để tăng thêm chuyến hoạt động, đa dạng hóa giờ khởi hành, phục vụ được nhiều khách hàng hơn, nhất là vào các dịp cao điểm như ngày cuối tuần hay lễ, tết.
- Dự kiến đến giữa năm 2014, Công ty sẽ khai trương tuyến mới là Rạch Giá – Nam Du để mở rộng thị trường khai thác. Do đó, cũng phát sinh thêm các chi phí như: tuyển nhân sự mới, chi quảng bá tuyến mới, chi mở rộng đại lý mới.
- Giá vé tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc tăng lên gần 10%, tương đương với giá vé mới khoảng 350.000 đồng do tình hình lạm phát tăng cao so với lần đăng ký giá vé trước vào năm 2012.
- Sử dụng nguồn nhiên liệu hiệu quả, tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường. Hợp tác chặt với các đơn vị cung ứng dầu D.O có uy tín để có được mức giá cạnh tranh nhất.

#### 14.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2013

*DVT: VNĐ*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	% tăng/giảm so với 2012
Doanh thu thuần	143.554.185.628	150.476.400.000	4,82%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	58.572.079.400	51.968.800.000	-11,27%
Vốn chủ sở hữu	205.832.905.718	257.801.705.718	25,25%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	40,80%	34,54%	-15,34%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	28,46%	23,7%	-16,73%
Cổ tức	40,65%	24%	-40,96%

(Nguồn: Công ty).

Hiện tại Công ty chưa thực hiện việc tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013. Việc chia cổ tức năm 2013 sẽ được trình trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

#### 14.3. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty giai đoạn 2014 – 2015 dự kiến như sau:

*DVT: VNĐ*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
-----	----------	----------	----------

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Vốn điều lệ	200.000.000.000	228.000.000.000
2	Doanh thu thuần	193.768.700.000	232.631.300.000
3	Tăng trưởng doanh thu thuần	28,77%	20,06%
4	Lợi nhuận sau thuế	66.021.400.000	80.643.200.000
5	Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	27,04%	22,15%
6	Tỷ lệ LN sau thuế/doanh thu thuần	34,07%	34,67%
7	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	33,01%	35,37%
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	24%	24%

- Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Năm 2013, khi đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các công ty khác, Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đẩy mạnh chiết khấu cho hành khách và các đại lý. Sự cạnh tranh này làm giảm bớt lợi nhuận trên mỗi chuyến vận chuyển. Do vậy lợi nhuận năm 2013 đã sụt giảm so với năm 2012 trong khi doanh thu 2013 vẫn tăng.

Năm 2014, Công ty dự báo số lượng hành khách sẽ tăng thêm khoảng 10% cho các tuyến vận chuyển, đồng thời Công ty sẽ giảm mức chiết khấu cho hành khách và các đại lý. Đây là yếu tố chính giúp lợi nhuận năm 2014 tăng mạnh.

Năm 2015, hy vọng tình hình kinh tế sẽ khả quan hơn. Công ty dự kiến lượng hành khách sẽ tăng từ 10% đến 20% nên lợi nhuận của Công ty sẽ tăng mạnh.

Tháng 07/2013, các công ty khác đã ngừng hoạt động tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc – Rạch Giá, do vậy trong tương lai Công ty sẽ giảm bớt tỷ lệ chiết khấu nên sẽ đạt được tỷ lệ lợi nhuận cao hơn và Công ty cũng dự báo số lượng hành khách cũng tăng nhiều hơn. Điều này giúp cho Công ty hoạt động hiệu quả hơn trong tương lai.

- Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

Năm 2013 Công ty đóng mới thêm hai tàu cao tốc và dự kiến nhận bàn giao tàu vào năm 2014. Mỗi tàu với sức chở là 275 chỗ ngồi.

- Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Năm 2014 dự kiến tăng vốn điều lệ lên 200.000.000.000 đồng và năm 2015 tăng vốn điều lệ lên 228.000.000.000 đồng.

- Kế hoạch chia cổ tức

Năm 2014 và 2015 Công ty dự kiến chia cổ tức là 24%, phương thức chia cụ thể sẽ do HĐQT đề xuất theo từng thời kỳ để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2014, 2015 có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết**

Không có.

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.**

Không có.

**PHẦN V: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

---

**1. Loại cổ phiếu:** cổ phiếu phổ thông.

**2. Mệnh giá:** 10.000 đồng.

**3. Tổng số chứng khoán niêm yết:** 17.474.854 cổ phiếu bằng đúng tổng số lượng chứng khoán đã phát hành.

**4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết**

- Cổ đông sáng lập: không có.

- Cổ đông đặc biệt bị hạn chế chuyển nhượng 100% cổ phiếu nắm giữ trong vòng 6 tháng từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 6 tháng tiếp theo. Trong đó:



Cổ đông	Cá nhân nắm giữ	Tổ chức uỷ quyền cho cá nhân	Cộng
HĐQT	8.862.188 cổ phần	685.293 cổ phần	9.547.481 cổ phần
Ban Tổng giám đốc	0 cổ phần	0 cổ phần	0 cổ phần
Ban kiểm soát	2.102 cổ phần	0 cổ phần	2.102 cổ phần
Kế toán trưởng	4.631 cổ phần	0 cổ phần	4.631 cổ phần
Cổ đông lớn là người có liên quan	1.998.446 cổ phần	0 cổ phần	1.998.446 cổ phần
Cộng	10.867.367 cổ phần	685.293 cổ phần	11.552.660 cổ phần

## 5. Xếp hạng tín nhiệm

Chưa có.

## 6. Phương pháp tính giá

### ▪ Tính giá theo P/E:

Lợi nhuận sau thuế quý 1, 2, và 3/2013: 45.071.303.338 VNĐ.

Lợi nhuận sau thuế quý 4/2012: 9.089.887.093 VNĐ.

Lợi nhuận sau thuế 4 quý: 54.161.190.430 VNĐ.

Số cổ phiếu lưu hành từ 01/10/2012 đến 11/12/2012: 17.132.217 cổ phiếu.

Số cổ phiếu lưu hành từ 12/12/2012 đến 30/09/2013: 17.474.854 cổ phiếu.

Số cổ phiếu lưu hành bình quân bốn quý gần nhất: 17.360.327 cổ phiếu.

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu
1.	Lợi nhuận 4 quý gần nhất (từ 01/10/2012 đến 30/09/2013)	54.161.190.430
2.	Số cổ phiếu lưu hành bình quân 4 quý gần nhất	17.360.327
3.	EPS 4 quý gần nhất	3.119
4.	P/E bình quân thị trường HSX (ngày 18/10/2013)	12,1
<b>5.</b>	<b>Giá cổ phiếu</b>	<b>37.739</b>

(Nguồn: PE bình quân thị trường HXS)

### ▪ Tính giá theo P/B:

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu
1.	Vốn chủ sở hữu (tại 30/09/2013)	250.904.209.056
2.	Trừ tài sản vô hình	4.585.985.696
3.	Chia cho số cổ phiếu lưu hành	17.474.854

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu
4.	<b>Giá trị sổ sách một cổ phiếu (BV)</b>	<b>14.095</b>
5.	P/B bình quân HSX (ngày 18/10/2013)	2,1
6.	<b>Giá (P) theo P/B</b>	<b>28.190</b>

(Nguồn: P/B bình quân thị trường HXS)

▪ **Tính theo giá OTC**

Lần giao dịch cổ phiếu gần nhất của Công ty vào ngày 19/11/2013 có ba giao dịch như sau:

Giao dịch 1: giá 31.618 đồng, khối lượng 349.496 cổ phần.

Giao dịch 2: giá 32.358 đồng, khối lượng 174.748 cổ phần.

Giao dịch 3: giá 20.000 đồng, khối lượng 5.000 cổ phần.

Vậy giá bình quân theo trọng số của ngày giao dịch này là: 31.753 đồng/cổ phần.

▪ **Tính giá bình quân:**

Stt	Phương pháp	Giá	Trọng số	Giá theo trọng số
1.	Theo P/E	37.739	1/3	12.579
2.	Theo P/B	28.190	1/3	9.396
3.	Theo OTC	31.753	1/3	10.584
4.	<b>Giá bình quân</b>		<b>1</b>	<b>32.559</b>

Theo kết quả tính toán ở trên, giá cổ phiếu bình quân của Công ty là 32.559 đồng/cổ phần. Căn cứ trên mức giá này Công ty quyết định mức giá khởi điểm khi niêm yết ngày đầu tiên là **29.000 đồng/cổ phần.**

7. **Phương thức thực hiện quyền**

Không có.

8. **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Bản điều lệ của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, vì vậy cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 21/11/2013, Công ty có 06 cổ đông cá nhân nước ngoài sở hữu 7.687.796 cổ phần, chiếm 43,9935% vốn điều lệ của Công ty.

## **9. Các loại thuế có liên quan**

Công ty đang chịu các loại thuế theo luật định như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất, thuế xuất nhập khẩu, thuế môn bài. Các cổ đông sẽ chia sẻ các loại thuế này khi nắm giữ cổ phiếu Công ty, ngoài ra cổ đông còn chịu thêm thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu.

Hiện tại theo giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 thay đổi lần thứ 11 ngày 18/04/2014 do Ban quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc thuộc UBND Tỉnh Kiên Giang cấp cho Công ty đang được ưu đãi thuế cụ thể như sau:

Đối với lợi nhuận tạo ra từ việc khai thác các tàu cao tốc, Công ty chỉ chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 50 năm.

Hiện tại Công ty đang được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm kể từ năm 2012 đến hết năm 2020.

Ngoài ra, Công ty được miễn thuế xuất nhập khẩu khi nhập tàu cao tốc.



## PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

**Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.**

**Địa chỉ** : Tòa nhà VCCI, 171 Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điện thoại** : (08) 39321284 **Fax:** (08) 39321286.

**Website** : [www.aa.com.vn](http://www.aa.com.vn)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC).**

**Địa chỉ** : Lầu 5 & 6 Toà nhà AB Tower, Số 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**Điện thoại** : (08) 3823 3299 **Fax:** (08) 3823 3301.

**Website** : [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

---

**PHẦN VII: PHỤ LỤC**

---

1. Phụ lục 1: Giấy đề nghị niêm yết cổ phiếu.
2. Phụ lục 2: Quyết định của HĐQT thông qua bộ hồ sơ đăng ký niêm yết.
3. Phụ lục 3: Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu trên Sở GDCK Tp. HCM.
4. Phụ lục 4: Điều lệ tổ chức và hoạt động.
5. Phụ lục 5: Quy trình công bố thông tin nội bộ.
6. Phụ lục 6: Quy chế quản trị công ty.
7. Phụ lục 7: Giấy chứng nhận ĐKKD.
8. Phụ lục 8: Các BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và năm 2013. BCTC Quý 1/2014.
9. Phụ lục 9: Danh sách thành viên chủ chốt và người có liên quan của từng thành viên chủ chốt và Danh sách tổ chức có liên quan đến thành viên chủ chốt
10. Phụ lục 10: SYLL các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, KTT có chữ ký xác nhận
11. Phụ lục 11: Danh sách cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, cổ đông chiến lược, cổ đông có liên quan đến cổ đông lớn, cổ đông nội bộ
12. Phụ lục 12: Tổng hợp quá trình tăng vốn kèm các giấy tờ chứng minh hợp lệ
13. Phụ lục 13: Tổng hợp quá trình mua bán cổ phiếu quỹ.
14. Phụ lục 14: Cam kết không chuyển nhượng của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong quá trình xét duyệt hồ sơ niêm yết.
15. Phụ lục 15: Cam kết nắm giữ CP của HĐQT, BGĐ, BKS, KTT và cổ đông lớn có liên quan đến HĐQT, BGĐ, BKS, KTT từ khi cổ phiếu được niêm yết.
16. Phụ lục 16: Giấy ủy quyền nhân viên công bố thông tin.
17. Phụ lục 17: Cam kết công khai mọi khoản nợ.
18. Phụ lục 18: Hợp đồng tư vấn niêm yết.
19. Giấy chấp thuận lưu ký.
20. Sổ đăng ký cổ đông.



Kiên Giang, ngày 09 tháng 05 năm 2014

TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG



HÀ NGUYỆT NHI  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRƯƠNG HỮU LỘC  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

LƯU HẢI ANH  
KẾ TOÁN TRƯỞNG

PUAN KWONG SIING  
TỔNG GIÁM ĐỐC



TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2014  
TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)



TRỊNH THANH CẦN  
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2014

